

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 104/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, trồng rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 64/TTr-STNMT ngày 14 tháng 3 năm 2023 và của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai tại Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 09 tháng 03 năm 2023 (kèm theo

Thông báo số 253/TB-HĐTĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Thẩm định quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện về việc thông báo kết quả thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai; Nghị Quyết số 01/NQ-HĐND ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai và hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai, với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch: 98.021,81 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 91.188,44 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 6.827,95 ha.
- Đất chưa sử dụng: 5,42 ha.

(Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo).

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất: 552,40 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 471,43 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 80,97 ha.

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất: 505,74 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 488,47 ha.
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: 17,27 ha.

(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng: 0 ha.

(kèm theo báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất)

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, hợp pháp, thống nhất số liệu, tài liệu với thực tế và theo đúng quy định của pháp luật trong hồ sơ trình. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung thẩm định, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, thống nhất của hồ sơ, số liệu, tài liệu và nội dung trình.

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện theo đúng quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý, sử dụng đất đúng theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, chỉ được tổ chức

thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất khi đảm bảo các quy định của pháp luật, phù hợp với các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng và quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của cấp huyện; tuyệt đối không được hợp thức hoá đối với những diện tích đất vi phạm pháp luật khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực hiện thu hồi đất đối với trường hợp dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải có văn bản chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 của Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 2 Điều 68 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; đối với các dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 chỉ được thực hiện thu hồi đất khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi đất đối với các dự án chậm hoặc không triển khai. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng; phát triển du lịch, dịch vụ và thương mại. Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển đổi đất trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo kế hoạch sử dụng.

5. Thực hiện tốt chính sách thu hồi, chuyển mục đích, giao cho thuê đất theo đúng kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chịu trách nhiệm và tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Ia H'Drai.

7. Định kỳ hàng quý báo cáo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để theo dõi, tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Sâm

Biểu số 01: DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT PHÂN BỐ TRONG NĂM KẾ HOẠCH*(Kèm theo Quyết định số: 104 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)**Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(..)+(9)	(7)	(8)	(9)
	Tổng diện tích tự nhiên		98.021,81	43.669,18	32.541,42	21.811,21
1	Đất nông nghiệp	NNP	91.188,44	38.340,51	31.949,98	20.897,95
	<i>Trong đó:</i>		-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	139,96	84,18	36,43	19,35
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	45,39	35,23	1,77	8,39
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.700,02	1.100,50	801,30	798,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.640,39	6.779,13	497,72	1.363,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	79.669,50	30.358,38	30.611,26	18.699,86
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	55.457,94	21.041,07	25.774,94	8.641,93
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	14,99	7,40	3,27	4,32
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	23,58	10,92	-	12,66
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.827,95	5.323,25	591,44	913,26
	<i>Trong đó:</i>					

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)
2.1	Đất quốc phòng	CQP	408,54	325,39	19,27	63,88
2.2	Đất an ninh	CAN	6,27	5,82	0,27	0,18
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,71	14,89	3,23	1,59
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	93,28	62,21	10,97	20,10
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	11,00	5,84	-	5,16
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.139,27	4.511,43	216,94	410,90
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	905,69	406,55	197,22	301,92
-	Đất thủy lợi	DTL	272,06	184,76	-	87,30
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,08	4,76	0,32	-
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,61	11,91	1,70	-
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	24,92	16,59	3,19	5,14
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	8,46	8,46	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(..)+(9)	(7)	(8)	(9)
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3.867,76	3.849,86	4,10	13,80
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,39	0,31	0,04	0,04
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	-	-	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,00	5,00	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,70	0,70	-	-
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	28,49	16,42	10,37	1,70
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,30	0,30	-	-
-	Đất chợ	DCH	2,70	1,70	-	1,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,32	1,43	0,83	0,06
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	12,08	4,08	8,00	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	639,54	230,47	184,62	224,45
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,82	15,57	1,79	3,46
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự	DTS	2,51	0,71	1,80	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(..)+(9)	(7)	(8)	(9)
	nghiệp					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	429,68	137,63	129,99	162,06
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	29,78	3,11	10,39	16,28
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	17,26	8,78	3,34	5,14
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,42	5,42	-	-

Biểu số 02: KẾ HOẠCH THU HỒI CÁC LOẠI ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số: 104 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Ia Toi	Ia Dom	Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..	(5)	(6)	(7)
	Tổng		552,40	446,91	41,30	64,19
1	Đất nông nghiệp	NNP	471,43	391,62	33,79	46,02
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26,92	21,09	2,04	3,79
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	100,91	72,83	14,24	13,84
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX	343,60	297,70	17,51	28,39
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	178,53	178,53		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	80,97	55,29	7,51	18,17
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,00	2,00		
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	43,51	25,60	7,51	10,40
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	42,36	24,67	7,51	10,18
-	Đất thủy lợi	DTL	0,55	0,33		0,22
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,42	0,42		
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,18	0,18		
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	17,17	17,17		
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	18,29	10,52		7,77

Ghi chú: Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi thu hồi thì chỉ được thực hiện thu hồi đất khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Biểu số 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số: 104 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	488,47	402,39	38,06	48,02
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	27,42	21,09	2,04	4,29
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	102,71	74,48	14,39	13,84
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	358,34	306,82	21,63	29,89
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>178,53</i>	<i>178,53</i>		
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		17,27	16,75	-	0,52
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	17,27	16,75		0,52
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR(a)</i>	<i>-</i>			
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT				

(a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác. PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Ghi chú: Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi chuyển mục đích sử dụng đất thì chỉ được phép thực hiện chuyển

mục đích sử dụng đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Biểu số 04: KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG
(kèm theo Quyết định số: 104 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã Ia Toi	Xã Ia Dom	Xã Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(7)	(5)	(6)	-7
1	Đất nông nghiệp	NNP				
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN				
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN				
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP				
2.2	Đất an ninh	CAN				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD				
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC				
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ	SKX				

	gồm					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT				
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT				
-	Đất thủy lợi	DTL				
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT				
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD				
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT				
-	Đất công trình năng lượng	DNL				
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV				
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA				
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD				
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH				
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC				
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				

2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai**BẢNG CHỮ VIẾT TẮT**

KT-XH	Kinh tế-Xã hội.
KH	Kế hoạch.
TT-BTNMT	Thông tư - Bộ Tài nguyên Môi trường.
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường.
NĐ-CP	Nghị định-Chính phủ.
BTNMT-TCQLĐĐ	Bộ Tài nguyên và Môi trường-Tổng cục Quản lý đất đai.
TCQLĐĐ-CQHĐĐ	Tổng cục Quản lý đất đai-Cục Quy hoạch đất đai.
NQ-HĐND	Nghị quyết -Hội đồng nhân dân.
QĐ-UBND	Quyết định-Ủy ban nhân dân.
UBND-KTN	Ủy ban nhân dân-Kinh tế ngành.
STNMT-CCQLĐĐ	Sở Tài nguyên Môi trường-Chi cục quản lý đất đai.
KHSD	Kế hoạch sử dụng.
QSD	Quyền sử dụng.
THCS	Trung học cơ sở.
QL	Quốc lộ.
ĐT	Đường tỉnh.
NĐ-CP	Nghị định -Chính phủ.
TTCQLĐĐ	Tổng cục quản lý đất đai.
TT	Thông tư.
CT-TTg	Chỉ thị-Thủ tướng Chính phủ.
UBND	Ủy ban nhân dân.
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013, tại Chương I, Điều 53 quy định “*Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*”, tại Điều 54 đã quy định “*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật*”.

Luật Đất đai năm 2013 tại Chương II, Điều 22 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Điều 40, 44, Luật Đất đai năm 2013 đã quy định nguyên tắc, căn cứ, nội dung lập và thẩm định kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Theo quy định tại Điều 63, Luật Đất đai năm 2013 thì Kế hoạch sử dụng đất hàng năm là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển Kinh tế - Xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm là yêu cầu đặc biệt để sắp xếp quỹ đất đai cho các lĩnh vực và đối tượng sử dụng hợp lý, có hiệu quả phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, tránh được sự chồng chéo, gây lãng phí trong việc sử dụng đất, hạn chế tình trạng sử dụng trái phép, phá vỡ môi trường sinh thái cảnh quan.

Để đảm bảo sự phù hợp với các quy định mới về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐCP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Đất đai và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đồng thời nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội của huyện trong năm 2023, khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai và lợi thế của huyện, sử dụng đất tiết kiệm, bền vững.

Thực hiện Công văn số 1840/STNMT-QHKH ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc tổ chức thẩm định và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

Ủy ban nhân dân huyện Ia H’Drai giao phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với các Phòng, Ban, Ủy ban nhân dân các xã và Đơn vị tư vấn tổ chức triển khai thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H’Drai theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và đảm bảo phù hợp, thống nhất với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1. Mục tiêu lập kế hoạch sử dụng đất.

- Đánh giá tình hình quản lý, hiện trạng, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước của huyện Ia H’Drai.

- Đề xuất khoanh định, phân bổ đất đai đáp ứng nhu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2023, đảm bảo hài hoà các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh, huyện.

- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội, quốc phòng, an ninh trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng... phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương.

- Đảm bảo sử dụng tài nguyên đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời cải tạo, bảo vệ môi trường để phát triển và sử dụng đất bền vững.

- Phân bổ sử dụng quỹ đất hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích và hiệu quả, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái của địa phương cho những năm trước mắt và lâu dài. Đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương

- Thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển góp phần phục vụ đời sống sinh hoạt cho nhiều tầng lớp nhân dân địa phương.

- Tạo điều kiện về đất đai để phát triển các ngành nghề, có những bước chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu Kinh tế - Xã hội.

- Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước đối với đất đai.

2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất.

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Luật Đầu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Luật Đầu tư ngày 27 tháng 06 năm 2020;

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quản lý và sử dụng đất lúa;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc đính chính thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của bộ tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai;

- Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia H'Drai;

- Công văn số 1840/STNMT-QHKH ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc tổ chức thẩm định và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

- Thông báo số 253/TB-HĐTĐ ngày 01/12/2022 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện về kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai.

3. Các phương pháp thực hiện.

3.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu.

- *Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa:* là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- *Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có:* Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ quy hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Ia H'Drai; các loại bản đồ địa chính phù hợp với nội dung xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

3.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu.

Chọn một số dự án lớn nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm trước đã được phê duyệt để điều tra chi tiết về kết quả thực hiện, phân tích các nguyên nhân hoàn thành dự án hoặc những tồn tại làm chậm tiến độ thực hiện kế hoạch và giải pháp khắc phục.

3.3. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ.

Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phần thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation,...

3.4. Nhóm phương pháp tiếp cận.

- Phân tích định tính và định lượng về tiềm năng đất đai, khả năng sử dụng đất.

- Phân tích hệ thống các mối quan hệ vĩ mô và vi mô, tổng thể.

- Phương pháp cân đối trong quan hệ khai thác tiềm năng đất đai với điều kiện khả thi sử dụng đất và cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường.

3.5. Phương pháp chuyên gia.

Tham khảo ý kiến của các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực, để trao đổi về cách nhìn nhận, đánh giá và các gợi ý về giải pháp thực hiện.

3.6. Phương pháp minh họa trên bản đồ.

Đây là phương pháp đặc thù của công tác quy hoạch sử dụng đất. Các loại đất theo mục đích sử dụng được thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/25.000, thể hiện cụ thể các yếu tố về vị trí phân bố, Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ (như Microstation, ...).

4. Sản phẩm kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai.

- Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai;

- Báo cáo tổng hợp thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai và hệ thống bảng biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ kèm theo;

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai tỉ lệ 1/25.000;

- Bản đồ kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai;

-
- Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai;
 - Đĩa CD cóp báo cáo thuyết minh, bản đồ màu đã số hoá;
 - Các văn bản liên quan được thu thập và xây dựng trong quá trình thực hiện kế hoạch.

5. Nội dung chính của báo cáo gồm

- Phần mở đầu: Đặt vấn đề.
- Phần I: Điều kiện tự nhiên, Kinh tế - Xã hội.
- Phần II: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.
- Phần III: Lập kế hoạch sử dụng đất.
- Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.
- Phần V: Kết luận và kiến nghị.
- Hệ thống Biểu số liệu trong Kế hoạch sử dụng đất.

1.2. Địa hình, địa mạo.

Huyện Ia H'Drai nằm ở phía Tây dãy Trường Sơn, địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam và Đông sang Tây, dốc ở phía Bắc và độ dốc thấp 2% -5% ở phía Nam, phần lớn có độ dốc từ 15 - 25⁰.

Huyện Ia H'Drai có 2 dạng địa hình chính là:

Địa hình núi cao ở phía Đông - Bắc có độ cao trung bình từ 800m - 1.700m so với mực nước biển.

Địa hình đồi lượn sóng: Có độ cao trung bình từ 180m – 300m so với mực nước biển, với độ dốc phổ biến từ 8-25⁰. Trên địa hình này có điều kiện phát triển sản xuất cây nông nghiệp, mô hình nông lâm kết hợp. Địa hình thung lũng hẹp và vùng đất bồi tụ, là địa bàn chủ yếu sản xuất lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm.

Nhìn chung, địa hình của huyện rất đa dạng, khá phức tạp, mức độ chia cắt trung bình, độ dốc cao gây khó khăn trong xây dựng cơ sở hạ tầng như: giao thông, điện, truyền thanh truyền hình... Tuy nhiên những mặt thuận lợi là có khả năng xây dựng hồ đập thủy điện, thủy lợi. Ở những khu vực thung lũng, bãi bồi được bồi đắp nên hàng năm làm tăng thêm độ màu mỡ cho đất.

Địa hình khuất gió do được che chắn bởi các dãy núi cao phía Nam huyện là điều kiện tốt để phát triển cây dài ngày như: cao su, cà phê, cây ăn quả cho năng suất cao...

1.3. Khí hậu.

Do tính chất đặc thù khí hậu khu vực có nét chung của khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa, lại mang tính chất của khí hậu Cao Nguyên.

- Nhiệt độ trung bình năm 22⁰C - 23⁰C.
- Lượng mưa trung bình trong năm 1.737mm.
- Độ ẩm bình quân 79,5%.
- Số giờ nắng bình quân trong năm là 1.981 giờ.
- Hướng gió chính: Hướng gió thịnh hành là hướng Đông Bắc và Tây Nam, tốc độ gió bình quân 2,6m/s.

Khí hậu huyện Ia H'Drai mang nét chung của khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa và chịu ảnh hưởng của khí hậu Cao nguyên nói chung. Khí hậu được chia làm hai mùa (Mùa mưa và mùa khô), mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô kéo dài 6 tháng từ tháng 11- 4 năm sau, có gió Đông Bắc thổi mạnh, lượng nước bốc hơi lớn, gây khô hạn nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển cây trồng, vật nuôi. Đặc điểm mùa khô như vậy nên cần phải có biện pháp khắc phục bằng cách tăng cường công tác thủy lợi, nâng cấp, và xây dựng các hồ, đập để giữ nước và cung cấp nước cho nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội và cho sinh hoạt của nhân dân.

Khu vực vùng cao su mang đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên có các yếu tố khí hậu như sau:

a. Nhiệt độ không khí:

- Nhiệt độ trung bình năm : 23,2° C.
- Nhiệt độ cao tuyệt đối : 37° C.
- Nhiệt độ thấp tuyệt đối : 15° C.
- Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất : 25,5° C.
- Nhiệt độ trung bình thấp nhất : 18° c.

Chênh lệch nhiệt độ ngày đêm cao nhất vào các tháng 12,1,3(17° C)

b. Độ ẩm không khí:

- Độ ẩm trung bình: 85%
- Độ ẩm trung bình cao nhất (8,9,10): 95%
- Độ ẩm trung bình thấp nhất(12,1,2,3): 89%

c. Năng:

- Tổng số giờ nắng bình quân/năm: 2.200h.
- Số giờ nắng bình quân/ngày : 6,9h.
- Tháng có giờ nắng nhiều nhất : tháng 2,3,4 (12,7h/ngày).
- Tháng có giờ nắng thấp nhất : tháng 7,8,9 (6,7h/ngày).

d. Lượng mưa:

- Lượng mưa bình quân/năm : 1.787 mm.
- Lượng mưa năm cao nhất : 2.693 mm.
- Lượng mưa năm thấp nhất : 1.219 mm.

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 10, lượng mưa cả năm chủ yếu tập trung vào các tháng này. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau.

e. Lượng bốc hơi:

- Lượng bốc hơi bình quân/năm: 840 mm.
- Các tháng có lượng bốc hơi cao nhất: tháng 12,1,2,3.
- Các tháng có lượng bốc hơi thấp nhất : tháng 6,7,8,9,10.

f. Gió:

Có hai hướng gió chính thịnh hành:

Gió tây nam: Hoạt động từ tháng 6 đến tháng 10, tần suất cao nhất 30% vào tháng 7 và thấp nhất vào tháng 10.

Gió đông bắc: Hoạt động từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau, tần suất cao nhất 26% vào tháng 4,5 và thấp nhất vào tháng 11.

g. Khí hậu: Cây cao su phát triển ở nhiệt độ tối ưu 25°C, lượng mưa thích hợp từ 1.750 - 2.400 mm, số tháng khô 5-6 tháng/năm, độ ẩm : 80-85%, tốc độ gió trung bình 2-3m/s, số giờ nắng 1.800-2.400h.

1.4. Thủy văn.

Khu vực huyện Ia H'Drai có 2 con sông lớn và nhiều suối nhỏ được phân bố đều trên địa bàn:

Sông Sa Thầy nằm ở phía Tây Nam của khu vực, chảy theo hướng từ Bắc xuống Nam có nước quanh năm, diện tích lưu vực khoảng 150.000 ha, trên sông này xây dựng được quy hoạch xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện lớn và nhỏ phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Sông Sê San nằm ở phía Đông và Đông nam, ranh giới giữa hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum.

Do Tài nguyên nước dồi dào kết hợp với địa hình phong phú nên khu vực này rất có lợi thế phát triển thủy điện. Các công trình thủy điện lớn trên sông Sê San trên địa bàn huyện Ia H'Drai: Thủy điện Sê San 4-360 MW, Thủy điện Sê San 4a-63 MW,.....tất cả công trình thủy điện đã hoàn thành và phát điện hoà lưới quốc gia.

2. Các nguồn Tài nguyên.

2.1. Tài nguyên đất.

Với quỹ đất rộng, quỹ đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người lớn, và điều kiện địa hình, thổ nhưỡng phù hợp cho việc phát triển các loại cây công nghiệp (*cây cao su, điều...*) với quy mô lớn; đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển ngành công nghiệp chế biến. Diện tích đất ở các khe suối, khu vực đầm lầy, hợp thủy phù hợp phát triển các loại cây ngắn ngày như lúa, ngô, sắn, đậu...; làm ao chăn nuôi gia cầm, thủy sản.

Đất đai: Phù hợp với cây cao su sinh trưởng và phát triển được trên nhiều loại đất nhưng đất đỏ Bazan là loại đất phù hợp nhất, yêu cầu tầng đất dày >75cm, thành phần cơ giới là đất sét, sét cát, kết von hoặc đá lớn <50%, mức độ thoát nước bình thường, độ PH 4,5 -5,5.

Chất dinh dưỡng trong đất: Cây cao su cũng như các cây trồng khác cần được cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng: N,P,K,Ca,Mg và các nguyên tố vi lượng.

2.2. Tài nguyên nước.

- Nguồn nước mặt: Khu vực Ia H'Drai nằm trên lưu vực sông Sa Thầy, sông Sê San và các nhánh suối chảy qua các khu vực trong huyện. Lượng mưa trung bình hàng năm lớn, hệ thống sông suối dày. Nguồn nước mặt tương đối phong phú về mùa mưa, về mùa khô thường bị cạn kiệt, thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt.

- Nguồn nước ngầm: Theo khảo sát sơ bộ, nguồn nước ngầm khá khan hiếm do độ sâu lớn và thường gặp nền đá móng phía dưới nên khó khai thác.

2.3. Tài nguyên rừng.

Với diện tích rừng lớn, phong phú và đa dạng về số lượng chủng loại động, thực vật là nơi chứa nhiều ghen động, thực vật quý hiếm có giá trị và ý nghĩa phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và bảo tồn thiên nhiên. Ngoài ra với hệ môi trường sinh thái phong phú và đa dạng, khả năng khai thác sử dụng vốn rừng giàu hoặc rừng trung bình đối với rừng thường xanh, nửa rụng lá và rừng hỗn giao tre nứa và rừng trồng trên đất sản xuất là có tiềm năng kinh tế lớn.

2.4. Tài nguyên khoáng sản.

Theo số liệu điều tra sơ bộ cho thấy trên địa bàn khu vực có các mỏ sắt, đá và các loại khoáng sản, cấu trúc khác nhau và vị trí nằm rải rác. Khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường: gồm vài điểm mỏ có thể khai thác đá xây dựng, cát xây dựng, cuội sỏi, ... đã thăm dò và đánh giá trữ lượng có thể đảm bảo cho đầu tư khai thác chế biến vật liệu xây dựng, đáp ứng nhu cầu cho nhân dân trong khu vực.

2.5. Tài nguyên nhân văn.

Thành phần các dân tộc trên địa bàn huyện bao gồm: người Kinh, dân tộc Thái, dân tộc Mường, dân tộc Tày, dân tộc Nùng, dân tộc Xơ Đăng, dân tộc Dao, dân tộc khác.... Cộng đồng các dân tộc trong huyện với những truyền thống, bản sắc riêng đã hình thành một nền văn hóa phong phú, có nhiều nét độc đáo và giàu bản sắc dân tộc.

3. Thực trạng môi trường.

Để bảo vệ môi trường, trước hết phải bảo vệ tài nguyên rừng, hạn chế suy thoái môi trường do biến động tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, hạn chế ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí tại đô thị và các khu môi trường nông thôn.

3.1. Môi trường không khí.

Huyện Ia H'Drai nằm xa các thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu vực huyện không có những nhà máy lớn nên chưa xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường không khí do chất thải công nghiệp. Tuy nhiên, với điều kiện khí hậu Tây Nguyên hai mùa mưa và nắng, trong mùa khô gió lớn, không khí rất bụi, nhất là những khu vực không được trồng cây chắn gió bảo vệ.

3.2. Môi trường nước.

Nước ngầm: Thực tế nguồn nước ngầm trên địa bàn huyện không phong phú, phân bố không đều, các giếng nước nhân dân đang sử dụng cho thấy mực nước ngầm thường ở độ sâu từ 10 - 25 m (phụ thuộc vào địa hình).

Nước mặt: Huyện Ia H'Drai nằm trên lưu vực sông Sa Thầy, sông Sê San và các nhánh suối chảy qua các khu vực trong huyện.

3.3. Môi trường đất.

Việc lạm dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp cộng với quy trình sử dụng chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, việc

bảo quản, quản lý cũng như xử lý thuốc, bao bì còn tùy tiện đã có ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường đất.

4. Tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất.

Biến đổi khí hậu làm lượng mưa hàng năm biến động thất thường, khác biệt giữa các mùa trong năm ngày càng rõ rệt. Mùa mưa bão, mưa lớn tập trung, sông suối ngấn và dốc gây ra lũ lụt, ngập úng bão lũ không những gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của người dân, mà còn gây nên các hiện tượng xói mòn, sạt lở đất làm ảnh hưởng đến chất lượng và diện tích đất sử dụng trên địa bàn huyện.

Mùa khô, mực nước ít biến động và thường có xu thế giảm dần từ đầu mùa đến gần cuối mùa; dòng sông cạn kiệt, hàm lượng phù sa trong nước đạt thấp ảnh hưởng xấu tới cây trồng, cản trở lớn trong phát triển kinh tế một số ngành.

Nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu theo Kế hoạch số 3426/KH-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2030 và đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai thực hiện trồng 300 ha rừng để nâng độ che phủ rừng, bảo vệ diện tích rừng hiện có. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.

Nông nghiệp và an ninh lương thực: đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển nông nghiệp bền vững phải dựa vào lợi thế tự nhiên của huyện và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao; cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, sinh thái và góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng.

Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu: Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng, chống thiên tai, công trình trữ

nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội.

II. Thực trạng phát triển Kinh tế - Xã hội.

Theo số liệu tại Báo cáo số 1059/BC-UBND ngày 02/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về tình hình Kinh tế - Xã hội, Quốc phòng, An ninh năm 2022; Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2023 trên địa bàn huyện Ia H'Drai như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế.

Kinh tế tăng trưởng nhanh, cơ cấu các ngành hợp lý. Tổng giá trị sản xuất ước thực hiện 9.065 tỷ đồng, đạt 150,07% kế hoạch, tăng 55,99% cùng kỳ năm trước. Trong đó: Giá trị và tỷ trọng khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản đạt 1.750 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 19,31%; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng đạt 7.050 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 77,77%; Khu vực dịch vụ đạt 265 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,92%.

2. Thực trạng phát triển các ngành Kinh tế.

2.1. Khu vực Kinh tế Nông, Lâm, Thủy sản

Lĩnh vực nông nghiệp có mức tăng trưởng khá, tổng diện tích cây trồng 28.792 ha, đạt 100,75% kế hoạch, vượt 1,83% so với cùng kỳ. Các chỉ tiêu chủ lực của huyện đạt và vượt kế hoạch: Cây cao su trồng mới 188,93 ha, cây sản đạt 1.820 ha, cây ăn quả trồng mới 209,6 ha, cây dược liệu trồng mới 70,2 ha, cây hàng năm 144 ha... Diện tích cao su khai thác tăng đạt 19.479 ha, sản lượng mủ cao su tươi đạt 77.475 tấn, đạt 101,58% kế hoạch, sản lượng cây ăn quả tăng mạnh đạt 313,59% kế hoạch

- Về chăn nuôi:

Tổng đàn gia súc ước thực hiện 8.205 con, đạt 113,17% kế hoạch, vượt 12,34% so với cùng kỳ. Tổng đàn gia cầm 45.250 con con, đạt 114,56% kế hoạch, vượt 13,69% cùng kỳ.

Tổng diện tích ao nuôi thủy sản 31 ha, đạt 100% kế hoạch; số lồng nuôi thủy sản 116 lồng, đạt 116% kế hoạch; số bể nuôi cá trên cạn 48 bể, đạt 100% kế hoạch. Tổng sản lượng thủy sản 325 tấn, đạt 113,24% kế hoạch.

- Công tác quản lý sản xuất nông nghiệp: Triển khai kế hoạch khuyến nông năm 2022 trồng mới 06 ha nghệ vàng/11hộ/03 xã và theo dõi, hướng dẫn các hộ dân thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, tiếp tục chăm sóc, quản lý tốt các vườn cây mô hình triển khai từ năm 2019 đến nay. Tập trung phát triển nhanh diện tích cây ăn quả, cây dược liệu theo quy hoạch, tiêu chuẩn kỹ thuật VietGAP, đảm bảo xây dựng vùng nguyên liệu theo định hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025.

Về lâm nghiệp: Công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng được thực hiện thường xuyên. Mùa khô năm 2022 trên địa bàn không xảy ra cháy rừng. Các chốt kiểm soát liên ngành thực hiện tuần tra, kiểm soát thường xuyên với 278 lượt/1.143 lượt người tham gia, qua đó đã phát hiện và xử lý 09 vụ/86,231 m³ gỗ tròn, xẻ các loại và 4,5 Ster củi, 7,5 kg động vật hoang dã. Công tác trồng rừng năm 2022 đạt hiệu quả cao, theo đó đã trồng được 404,8 ha/367 ha cây rừng, đạt 110,29% kế hoạch và trồng được 52.262 cây

phân tán, đạt 130,65%. Các ngành, các xã tiếp tục giám sát chặt chẽ, hướng dẫn các hộ dân nhận chăm sóc, bảo vệ các diện tích rừng trồng mới năm 2022 và diện tích rừng trồng năm 2021, đảm bảo tỷ lệ cây sống đạt trên 90%.

2.2. Ngành Công nghiệp – Xây dựng.

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng có mức tăng trưởng cao, giá trị sản xuất ước thực hiện đạt 172,62% kế hoạch, vượt 80,8% cùng kỳ.

- *Về công nghiệp:* Các nhà máy sản xuất công nghiệp trên địa bàn duy trì hoạt động sản xuất ổn định, mở rộng quy mô và sản lượng sản xuất đạt kế hoạch đề ra. Các nhà máy chế biến mủ cao su trên địa bàn vượt 55% sản lượng so với cùng kỳ, tiếp tục đưa vào hoạt động thử nghiệm 02 Nhà máy chế biến mủ cao su; tỷ lệ doanh nghiệp sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường đạt 100%. Hệ thống truyền tải, phân phối điện trên địa bàn cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp và người dân, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đến nay đạt 99%.

- *Về quy hoạch, xây dựng:* Công tác chỉnh trang, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại Trung tâm huyện được chú trọng; các quy hoạch xây dựng, các dự án phát triển quỹ đất thu hút đầu tư theo hướng đồng bộ, điều chỉnh phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2021-2025; kết cấu hạ tầng khu Trung tâm hành chính và các xã từng bước được hoàn thiện. Trình tự, thủ tục đầu tư các dự án đầu tư công đảm bảo quy định; khối lượng giải ngân cơ bản đạt tiến độ: gồm 03 dự án chuyển tiếp từ năm 2021 đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; lập thủ tục đầu tư 03 dự án thuộc giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp; phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật 05 dự án năm 2021; triển khai chuẩn bị đầu tư 03 dự án năm 2022; triển khai thi công 04 dự án trường học; khởi công mới 08 dự án năm 2022; đang đẩy nhanh tiến độ hoàn thành 01 dự án khai thác quỹ đất tại điểm dân cư số 41; tiếp tục triển khai 03 dự án thuộc nguồn vốn ngân sách Trung ương, Tỉnh năm 2022; 10 dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- *Về giao thông vận tải:* Các ngành chức năng đã tăng cường tuần tra đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Các cơ quan, đơn vị thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ đối với công trình đang thi công. Ủy ban nhân dân các xã thường xuyên tuyên truyền các hộ dân sinh sống dọc Quốc lộ 14C thực hiện xây dựng đúng phạm vi hành lang an toàn giao thông đường bộ; hoàn thành lắp đặt 03 cụm đèn cảnh báo giao thông dọc Quốc lộ 14C tại thôn 1 (xã Ia Dom) và thôn 7, thôn 8 (xã Ia Toi); sơn dải phân cách các đoạn đường trung tâm hành chính huyện.

- *Về khoa học và công nghệ:* Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đăng ký mã định danh cá nhân, tài khoản cá nhân giao dịch hành chính công trực tuyến. Triển khai thử nghiệm mô hình nuôi Ba ba sinh sản và Ba ba thương phẩm 1.973 con giống/01 hộ, mô hình nuôi Dúi sinh sản và Dúi thương phẩm với 72 con giống/05 hộ; tiếp tục theo dõi, hướng dẫn đối với các mô hình đã triển khai năm 2021

2.3. Khu vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước thực hiện đạt 100% kế hoạch, vượt 18,06% cùng kỳ; công tác quản lý thị trường, phối hợp kiểm tra, kiểm soát việc lưu thông hàng hóa, bình ổn giá cả được thực hiện chặt chẽ, góp phần ổn định giá cả thị trường, không xảy ra hiện tượng thiếu hụt, đầu cơ tăng giá hàng hóa tiêu dùng. Hệ thống thương mại, dịch vụ được quy hoạch, phát triển hợp lý, phát huy hiệu quả, cơ bản đáp ứng nhu cầu người dân và tốc độ phát triển kinh tế - xã hội huyện. Trên địa bàn có 270 hộ kinh doanh; Chợ huyện Ia H'Drai giai đoạn 01 có 24 cửa hàng đi vào hoạt động; hiện đang triển khai thủ tục đầu tư xây dựng 01 chợ tại xã Ia Đal. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ phát triển mạnh (*vượt 70% so với cùng kỳ*); hệ thống nhà nghỉ, khách sạn, các điểm lưu trú, các cơ sở quán ăn, giải khát và các dịch vụ giải trí đã được phục hồi sau khi tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt. Tổng số lượt du khách đến địa bàn năm 2022 đạt 250% kế hoạch; đã tổ chức 01 đợt khuyến công đưa hàng hóa về nông thôn tại xã Ia Dom.

2.4. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

2.4.1. Về quản lý Đất đai:

Cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã thường xuyên kiểm tra và thực hiện quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, qua kiểm tra, chưa phát hiện các vụ việc vi phạm. Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phục vụ quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn. Tiếp tục rà soát quỹ đất tại các điểm dân cư hiện có để đề xuất mở rộng, bổ sung quy hoạch chi tiết các điểm dân cư. Đã kiểm tra hiện trạng, phân lô cắm mốc thực địa tại các điểm dân cư công nhân đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất doanh nghiệp giao về địa phương quản lý để đủ điều kiện giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân; tiến hành kiểm tra thực tế ranh, mốc giới các điểm trường học trên địa bàn huyện phục vụ công tác thu hồi, chuyển mục đích, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất giáo dục trên địa bàn huyện; giới thiệu vị trí đất xây dựng Trụ sở làm việc của Công an 03 xã biên giới; phê duyệt dự toán và kế hoạch đấu thầu dự án lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023; thẩm định dự toán chuẩn bị đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu 02 dự án.

Kiểm tra hiện trạng các lô đất tại điểm dân cư số 41 Trung tâm hành chính xã Ia Toi phục vụ phát triển quỹ đất và hiện trạng, vị trí, diện tích các lô đất đã được quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500); đấu giá quyền sử dụng đất các lô NKD3, MDT6, MDT7, MDT9 có 96/96 thửa bàn giao đất thực địa; lập thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất các lô MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5, MDC7, MDC15 để đấu giá phát triển quỹ đất. Đồng thời, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ giao đất và trúng đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn và kịp thời tổ chức bàn giao đất ngoài thực địa cho khách hàng trúng đấu giá quyền sử dụng đất đúng quy định...

Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Đã tiếp nhận 162 hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*năm trước trước chuyển sang 04 hồ sơ*); đã giải quyết 148 hồ sơ với tổng diện tích đất 59.330 m² (*trong đó diện tích đất ở 45.453,6 m², đất nông nghiệp 13.876,4 m²*), đang giải quyết 14 hồ sơ.

Tiếp tục triển khai 16 phương án bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB) nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình (trong đó: 01 phương án thẩm định bồi thường GPMB; 02 phương án trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định bồi thường GPMB; 01 phương án xác định giá các loại cây trồng (Cây cao su) bồi thường GPMB; 12 phương án còn lại đang lập các thủ tục liên quan theo quy định).

2.4.2 Về quản lý khoáng sản:

Các ngành, các xã đã tăng cường công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn, kịp thời phát hiện xử lý hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xử lý các vụ vi phạm theo quy định của pháp luật; thường xuyên quản lý không để xảy ra khai thác khoáng sản trái phép khu vực giáp ranh tỉnh Gia Lai (địa bàn xã Ia Toi). Đề xuất các khu vực khoáng sản dự kiến đưa vào Kế hoạch đầu tư giá quyền khai thác khoáng sản năm 2022.

2.4.3. Về quản lý môi trường:

Các chỉ tiêu về môi trường đạt 100% kế hoạch (Chỉ tiêu: Thu gom rác thải sinh hoạt, hộ gia đình nông thôn; sử dụng nước hợp vệ sinh; cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường). Kịp thời cho ý kiến đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư. Công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc hoa, cây cảnh, cây xanh và hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường khu Trung tâm hành chính huyện thường xuyên được duy trì và chỉnh trang. Tiếp tục đề nghị Tỉnh ban hành quyết định phê duyệt giá dịch vụ thu gom rác thải trên địa bàn huyện theo trình tự văn bản quy phạm pháp luật; tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống cung cấp nước sạch trên địa bàn huyện và triển khai dự án đầu tư đường dẫn nước cấp 03 để phục vụ đến các hộ gia đình.

Công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn được chủ động triển khai thực hiện, không để xảy ra các tình huống bất ngờ, giảm thiểu thiệt hại nếu có thiên tai xảy ra.

2.5. Xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư; phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.5.1. Xây dựng nông thôn mới:

Được triển khai đồng bộ với quyết tâm cao của các cấp, các ngành; các công trình trường học, dự án giao thông nông thôn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 đang được khẩn trương thực hiện. Tổ chức 01 Đoàn kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2022-2025 và CTMTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022, dự kiến năm 2022 hoàn thành 14 thôn đạt chuẩn nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã Ia Dom duy trì xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 18/19 tiêu chí); các xã Ia Đal và xã Ia Toi đạt chuẩn 13/19 tiêu chí.

2.5.2. Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư:

Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp trồng cao su trong công tác tuyển dụng công nhân theo kế hoạch, đảm bảo chỉ tiêu sắp xếp dân cư, chỉ tiêu dân số năm 2022 của huyện. Từ đầu năm 2022 đến nay, huyện bố trí, sắp xếp

545 hộ/1.600 nhân khẩu vào các điểm dân cư trên địa bàn huyện. Tại điểm dân cư 64, xã Ia Toi đến nay đã bố trí được 81 hộ/213 khẩu, đạt tỷ lệ 81% theo kế hoạch. Hiện đang phối hợp các huyện Tu Mơ Rông, Kon Rẫy, Thành phố Kon Tum vận động, tuyên truyền, rà soát các hộ có nguyện vọng di dân đến điểm dân cư 64 để đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch.

2.6. Lao động, việc làm, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo.

Công tác đào tạo nghề tiếp tục được duy trì, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ bao tham gia bảo hiểm xã hội đạt 50,39%, vượt 2,64% chỉ tiêu kế hoạch; tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 44,52%, vượt 3,26% kế hoạch. Số người được giải quyết việc làm ước thực hiện 1.450 người. Các chính sách hỗ trợ vay vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, giải quyết việc làm từ nguồn tín dụng Ngân hàng chính sách xã hội được đẩy mạnh. Kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 tỷ lệ giảm nghèo đạt 20,5% so với năm 2021, vượt chỉ tiêu kế hoạch huyện giao giảm từ 7-9%. Các chính sách về lao động, thương binh xã hội, dân tộc miền núi được triển khai kịp thời, có hiệu quả; chính sách cho đối tượng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện kịp thời; huy động có hiệu quả nguồn lực xã hội hóa và nguồn ngân sách thực hiện tốt công tác an sinh xã hội; tỷ lệ người dân tộc thiểu số có đất ở đạt 100%, có đất sản xuất đạt 80%.

2.7. Giáo dục và Đào tạo.

Công tác giáo dục được quan tâm đầu tư, hệ thống cơ sở giáo dục các cấp học tiếp tục được sắp xếp hợp lý, đã xây dựng bổ sung phòng học, các trường, các điểm trường từ nguồn vốn đầu tư công hàng năm và vốn chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Tổng số học sinh của huyện là 3.424 học sinh (*Trong đó, các trường thuộc huyện quản lý là 3.226 học sinh/147 lớp/07 trường và 01 Trường Trung học phổ thông DTNT do Sở giáo dục và Đào tạo quản lý gồm 198 học sinh/06 lớp*).

Năm học 2022-2023, tỷ lệ tuyển sinh các lớp đầu cấp học cơ bản đảm bảo (*bậc mầm non đạt 86,88%, lớp 1 đạt 100%, lớp 6 đạt 100%, tốt nghiệp trung học cơ sở lớp 9 đạt 100%*). Các nhiệm vụ, đổi mới chương trình giáo dục được triển khai kịp thời, chất lượng giáo dục được nâng lên, điều kiện trường lớp, trang thiết bị, dụng cụ giảng dạy và sách vở học tập của học sinh cơ bản đảm bảo; tỷ lệ học sinh các bậc học đến lớp đạt 100%; tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi các bậc học đạt 100%; các chính sách hỗ trợ học sinh vùng đặc biệt khó khăn, chế độ giáo viên thực hiện kịp thời, đúng quy định.

2.8. Về Y tế:

Về công tác khám, chữa bệnh:

Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân được duy trì; đảm bảo nhân lực, trang thiết bị khám, chữa bệnh và phân công trực để khám và thường trực cấp cứu 24/24, không có xảy ra sai sót chuyên môn; việc kê khai khám chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng thẻ căn cước công dân gắn chip bước đầu được triển khai.

2.9. Văn hóa - Thể thao – Truyền thông.

Công tác tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm, theo chuyên đề, mang tính thời sự góp phần đưa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước đến Nhân dân; chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông huyện thực hiện tiếp và phát sóng truyền thanh Đài tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh Kon Tum, kịp thời đưa tin các vấn đề thời sự trong nước, trong tỉnh; tổ chức biên tập phát sóng 92 chương trình Trang địa phương, 71 chương trình Phòng chống dịch bệnh trên người, cây trồng và vật nuôi, 01 Chương trình Tết Dương lịch, 01 chương trình Tết Nguyên đán, 01 chương trình phát thanh đặc biệt về Vui Tết trung thu năm 2022 (*tổng thời lượng tiếp, phát sóng hơn 92.000*).

Trang thông tin điện tử huyện thường xuyên cập nhật văn bản chỉ đạo điều hành cấp ủy, chính quyền huyện, công khai bộ thủ tục hành chính của các ngành, các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện liên kết các Trang thông tin điện tử của 03 xã trên địa bàn, số hóa các chương trình phát thanh, truyền hình của huyện lên trang Thông tin điện tử huyện.

Tổ chức thành công các hoạt động văn hóa, thể thao trong năm 2022: Lễ phát động Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2022; Đại hội Thể dục thể thao cấp huyện lần thứ II; Hội thi Cồng chiêng, xoang các dân tộc thiểu số huyện lần thứ I; Chương trình Vui Tết Trung thu thiếu nhi và tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao cấp tỉnh: Đại hội Thể dục Thể thao tỉnh Kon Tum lần thứ VII; Hội thi Thiếu nhi tuyên truyền, giới thiệu sách... các hoạt động đã thu hút đông đảo các đoàn, các vận động viên từ các đơn vị tham gia và nhận được sự cổ vũ nhiệt tình của quần chúng Nhân dân, qua đó góp phần xây dựng đời sống văn hóa, thể thao lành mạnh, tạo không khí vui tươi, phấn khởi thi đua lao động sản xuất, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, thể thao các dân tộc.

2.10. Quốc phòng, An ninh.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch công tác quốc phòng quân sự, đảm bảo an ninh trật tự năm 2022. Tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Ia Dom đạt kết quả Giỏi; công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và giao quân năm 2022 đảm bảo chỉ tiêu được giao (*11/11 công dân*).

Đã kiện toàn Hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ huyện; xây dựng, triển khai kế hoạch tổ chức tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ trên địa bàn huyện năm 2022; phê duyệt và triển khai kế hoạch công tác giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2022; thực hiện tốt Quy chế phối hợp triển khai Nghị định 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng vận động thu hồi vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ... trên địa bàn huyện.

Các lực lượng chức năng huyện tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, phối hợp với các Đoàn biên phòng bảo vệ khu vực biên giới, thường xuyên trực đảm bảo không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ; đấu tranh phòng chống buôn bán người, hàng lậu, hàng cấm, pháo các loại qua biên giới. Công tác bảo vệ đường biên, các cột mốc biên giới được đảm bảo, an toàn và xử lý kịp thời các vi phạm liên quan.

Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; tiếp tục đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc; tăng cường các biện pháp nghiệp vụ phòng ngừa, đẩy lùi các loại tội phạm, kiểm tra, xử lý các tệ nạn xã hội (*đánh bạc, sử dụng chất ma túy...*), giữ vững an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý các trường hợp vi phạm theo trình tự quy định pháp luật

III. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, Kinh tế - Xã hội.

1. Ưu điểm.

Huyện đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đạt được những kết quả quan trọng: Kinh tế phát triển khá, ổn định, cơ cấu các ngành hợp lý, vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh, đặt biệt trong lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp; các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 được khẩn trương triển khai thực hiện; các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới được củng cố và nâng cao; các nhà máy sản xuất công nghiệp hoạt động ổn định, tiếp tục tăng quy mô và sản lượng, đóng góp lớn vào nguồn thu ngân sách tại địa bàn và tăng trưởng kinh tế địa phương; nâng cao tỷ lệ giải quyết việc làm, công tác an sinh xã hội, giảm nghèo đạt hiệu quả tích cực; cải cách hành chính được tăng cường, môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp huyện được cải thiện; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội đảm bảo.

2. Hạn chế.

Trên địa bàn còn xảy ra tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

Việc triển khai Đề án di dân, thu hút dân cư vào điểm dân cư 64 xã Ia Toi chưa đạt chỉ tiêu giao.

Nguồn vốn giải ngân các chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm; tiến độ triển khai các thủ tục đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia còn có một số khó khăn, vướng mắc.

Công tác duy trì, củng cố các sản phẩm OCOP còn chậm, hiệu quả chưa cao.

3. Nguyên nhân.

3.1. Nguyên nhân khách quan.

Tình hình dịch bệnh, giá cả hàng hóa hàng hóa biến động do ảnh hưởng của giá xăng dầu, trên địa bàn huyện xuất hiện bệnh sốt xuất huyết, bệnh tay - chân - miệng, dịch tả lợn Châu Phi. Cơ sở hạ tầng của huyện còn thấp, các công trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội chưa nhiều, điều kiện giao thông nội vùng và giao thông liên kết với các địa bàn khác còn gặp nhiều khó khăn.

Công tác phối hợp, tuyên truyền vận động người dân và triển khai di dân đến điểm dân cư 64 của các đơn vị huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh chưa được quan tâm đúng mức, số lượng các hộ dân có nguyện vọng di dân sau khi đến tham quan điểm dân cư 64 đạt tỷ lệ rất thấp.

Việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia chậm do các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện còn có khó khăn vướng mắc, đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các nguồn vốn sự nghiệp; trình tự thủ tục đầu tư công kéo dài.

Các hợp tác xã phần lớn mới thành lập, quy mô sản xuất kinh doanh nhỏ, trình độ, máy móc sản xuất chế biến các sản phẩm OCOP còn hạn chế, vốn đầu tư thấp, chưa tiếp cận nguồn vay vốn phát triển sản xuất, việc liên doanh liên kết với doanh nghiệp bao tiêu, thu mua sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Sự phối hợp của các ngành, các lực lượng chức năng trong triển khai quản lý, bảo vệ rừng có lúc chưa chặt chẽ; hiệu quả trong công tác tuần tra, kiểm soát, truy quét phát hiện các hành vi vi phạm Luật lâm nghiệp chưa cao, có lúc còn bị động trong triển khai chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện.

Ủy ban nhân dân các xã chưa chủ động trong vận động hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP theo Kế hoạch; trình độ quản lý sản xuất của hợp tác xã còn thấp, chưa chủ động về xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP đáp ứng nhu cầu thị trường và thương mại hóa sản phẩm.

Chất lượng tham mưu xử lý, giải quyết công việc chuyên môn của một số cơ quan, đơn vị có lúc chưa cao; một số nhiệm vụ, chương trình công tác triển khai chậm, không đảm bảo tiến độ. Lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn, đơn vị còn thiếu tính chủ động trong quá trình tham mưu, triển khai thực hiện nhiệm vụ.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

I. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia H'Drai; Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Kết quả thực hiện trên địa bàn huyện Ia H'Drai ước đạt đến ngày 31/12/2022 được thể hiện như sau:

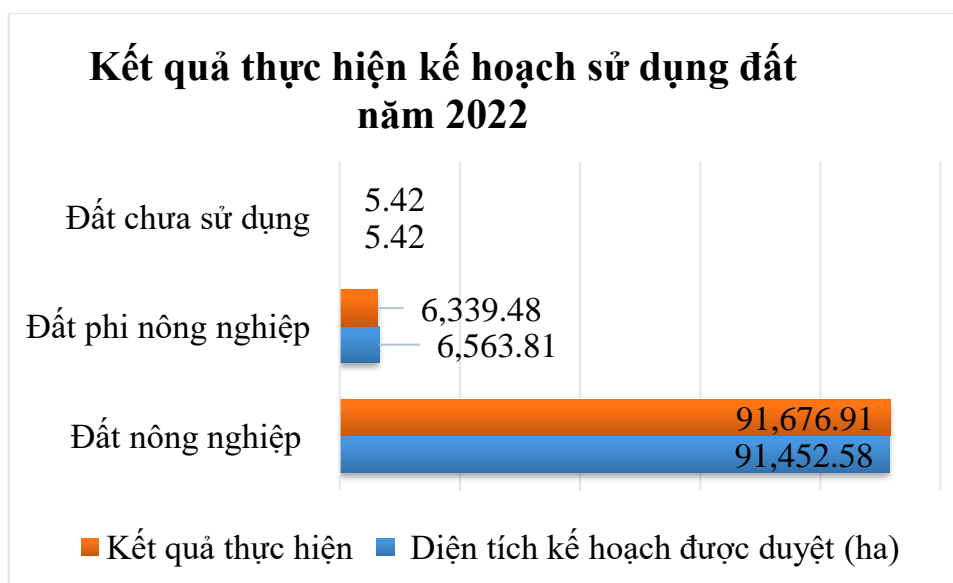
Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến ngày 31/12/2022

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	91.452,58	91.676,91	224,33	100,25%

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	140,47	139,96	-0,51	99,64%
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	45,39	45,39	0,00	100,00%
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.699,31	2.739,00	39,69	101,47%
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.670,60	8.730,20	59,60	100,69%
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			0,00	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			0,00	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	79.892,48	80.045,11	152,63	100,19%
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	55.620,47	55.636,47	16,00	100,03%
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	15,01	14,99	-0,02	99,87%
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	34,71	7,65	-27,06	22,04%
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.563,81	6.339,48	224,33	96,58%
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	142,32	126,09	-16,23	88,60%
2.2	Đất an ninh	CAN	6,27	5,62	-0,65	89,63%
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	24,54	19,40	-5,14	79,05%
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	93,69	86,28	-7,41	92,09%
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	21,10	8,08	-13,02	38,29%
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.122,18	5.000,75	121,43	97,63%
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	907,14	849,53	-57,61	93,65%

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
-	Đất thủy lợi	DTL	275,95	243,04	-32,91	88,07%
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,08	1,28	-3,80	25,20%
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	13,61	9,12	-4,49	67,01%
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	21,34	21,34	0,00	100,00%
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	2,23	2,23	0,00	100,00%
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3.856,52	3.852,71	-3,81	99,90%
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,31	0,31	0,00	100,00%
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,00		-5,00	0,00%
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,51	0,70	-3,81	15,52%
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	28,49	18,49	-10,00	64,90%
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,30	0,30	0,00	
-	Đất chợ	DCH	1,70	1,70	0,00	100,00%
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,36	1,11	-0,25	81,62%
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	655,59	595,34	-60,25	90,81%
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ	TSC	20,82	20,82	0,00	100,00%

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	quan					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,51	2,27	-0,24	90,44%
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,19			
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	429,68	429,68	0,00	100,00%
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	29,72	29,78	0,06	100,20%
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	13,84	14,26	0,42	103,03%
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,42	5,42	0,00	100,00%



Hình 1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước
1. Đất nông nghiệp (NNP).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 91.452,58 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 91.676,91 ha, tăng 224,33 ha so với kế hoạch. Cụ thể:

1.1. Đất chuyên trồng lúa (LUA).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 140,47 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 139,96 ha. Giảm 0,51 ha so với kế hoạch

được duyệt. Nguyên nhân do việc mở rộng đất trồng lúa tại điểm dân cư số 48 mở rộng chưa được triển khai thực hiện.

Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 45,39 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 45,39 ha. Không chênh lệch so với kế hoạch được duyệt.

1.2. Đất trồng cây hàng năm khác (HNK).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 2.699,31 ha; Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 2.739 ha. Tăng 39,69 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: do kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được phê duyệt muộn (ngày 24/5/2022), các dự án đầu tư còn gặp khó khăn trong việc triển khai các thủ tục thực hiện dự án cũng như giải ngân nguồn vốn nên chưa thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm khác sang các loại đất khác để thực hiện các dự án đã đăng ký trong kế hoạch năm 2022 như: Trụ sở làm việc Công an xã Ia Đal; Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới khu vực Hồ Le (đoạn Km6+475,67 đến Km7+315); Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km3+426,82 -Km6 +457,67; Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Draï); Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện; Nghĩa trang nhân dân huyện; Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ); Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07; Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi;...

1.3. Đất trồng cây lâu năm (CLN).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 8.670,6 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 8.730,2 ha; Tăng 59,6 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân: do khó khăn về nguồn vốn nên hầu hết các dự án đã được phê duyệt thực hiện trong năm 2022 đang hoặc chưa được triển khai thực hiện, một số dự án còn đang trong giai đoạn lập kế hoạch thu hồi đất, giải phóng mặt bằng nên việc chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang các loại đất khác chưa được thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Một số công trình sử dụng đất trồng cây lâu năm nhưng chưa được thực hiện như: Trụ sở làm việc Công an xã Ia Dom; Trụ sở làm việc Công an xã Ia Toi; Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới khu vực Hồ Le (đoạn Km6+475,67 đến Km7+315); Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Draï); Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện; Hồ chứa nước và các hạng mục phụ trợ khu dân cư phía Đông trung tâm xã Ia Toi; Khu nghĩa trang huyện; Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ); Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07; Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi; Đất tôn giáo (làng chài);...

1.4. Đất rừng sản xuất (RSX).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 79.892,48 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 80.045,11 ha; tăng 152,63 ha so với kế hoạch.

Nguyên nhân: do kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được phê duyệt muộn, các công trình dự án đã được phê duyệt tại quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia H'Drai đang trong quá trình thực hiện các thủ tục thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng theo Quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì dự án này thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (*cây cao su*) theo quy định. Do đó, kết quả thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

Trong năm kế hoạch chuyển mục đích 5,3 ha đất rừng sản xuất là rừng trồng sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Nhà Máy chế biến mủ cao su của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duy Tân theo Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất.

1.5. Đất nuôi trồng thủy sản (NTS).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 15,01 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 14,99 ha; Giảm 0,02 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân do việc thực hiện mở rộng đất nuôi trồng thủy sản tại điểm dân cư số 48 mở rộng chưa được triển khai thực hiện.

1.6. Đất nông nghiệp khác (NKH).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 34,71 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 7,65 ha; Giảm 27,06 ha so với kế hoạch được duyệt. Đạt 22,04% so với kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân do các dự án thuê rừng để QL BVR, trồng rừng sản xuất, kinh doanh rừng trồng bền vững kết hợp gây nuôi nhân giống, chăm sóc và bảo tồn nuôi hươu nai và các loại động vật rừng được phép nuôi thả; Dự án nuôi trồng thủy sản của công ty Duy Tân (*dự án thử nghiệm nuôi cá lồng*); Dự án trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát... chưa hoàn thiện các thủ tục liên quan đến đất đai (*thu hồi, GPMB, chuyển mục đích sử dụng và giao đất*).

2. Đất phi nông nghiệp (PNN).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 6.563,81 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 6.339,48 ha; giảm 224,33 ha so với kế hoạch, đạt 96,58% kế hoạch đề ra. Cụ thể:

2.1. Đất quốc phòng (CQP).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 142,32 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 126,09 ha; giảm 16,23 so với kế hoạch được duyệt đạt 88,6 % kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân do các dự án DTBCH; CDQ1; CDQ2; DHSCHCB theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia H'Drai đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục liên quan đến đất đai, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì dự án này thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (*cây cao su*) theo quy định.

2.2. Đất an ninh (CAN).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 6,27 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là 5,62 ha; giảm 0,65 ha so với kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân do việc xây dựng trụ sở làm việc Công an các xã chưa hoàn thiện các thủ tục liên quan đến chuyển mục đích sử dụng và giao đất nên chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

2.3. Đất thương mại, dịch vụ (TMD).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 24,54 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 19,4 ha; giảm 5,14 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV4, DV5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum; Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV7, DV8, DV9, DV10 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum phải thực hiện theo đề án được duyệt nên công tác đấu giá còn chưa được thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt.

2.4. Đất cơ sở sản kinh doanh (SKC).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 93,69 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 86,28 ha; giảm 7,41 ha so với kế hoạch.

Nguyên nhân: do dự án Nhà máy chế biến mủ cao su ChuMomRay của Công ty TNHH MTV Cao su ChuMomRay đang thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng. Theo Quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì dự án này thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (*cây cao su*) theo quy định.

Trong năm 2022 đã thực hiện xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duy Tân diện tích 5,3 ha theo Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất.

2.5. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm sứ (SKX).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 21,1 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 8,08 ha; giảm 13,02 ha.

Nguyên nhân: Một số dự án khai thác vật liệu xây dựng do chủ đầu tư lập thủ tục triển khai chậm nên chưa được triển khai trong năm 2022 theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia H'Drai.

2.6. Đất phát triển hạ tầng (DHT).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 5.122,18 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 5.000,75 ha; giảm 121,43 ha so với kế hoạch, đạt 97,63 % so với kế hoạch;

Nguyên nhân: do khó khăn về nguồn vốn nên hầu hết các dự án đã được phê duyệt thực hiện trong năm 2022 chưa được triển khai thực hiện, một số dự án còn đang trong giai đoạn lập kế hoạch thu hồi đất, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Kết quả thực hiện các loại đất cụ thể như sau:

2.6.1. Đất Giao thông (DGT):

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 907,14 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 849,53 ha; giảm 57,61 ha so với kế hoạch, đạt 93,65 % so với kế hoạch.

Nguyên nhân do các dự án Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới khu vực Hồ Le (đoạn Km6+475,67 đến Km7+315); Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km3+426,82 -Km6+457,67; Đường giao thông tiếp nối với Tỉnh lộ 674 đến đường Tuần tra biên giới xã Mo Rai, huyện Sa Thầy; Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07; Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện; Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi chưa hoàn thành các thủ tục thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, đang thực hiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Quy định tại Khoản 3, Điều 20, Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì dự án này thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (cây cao su) theo quy định.

2.6.2. Đất Thủy lợi (DTL).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 275,95 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 243,04 ha; giảm 32,91 ha so với kế hoạch, đạt 88,07 % so với kế hoạch.

Nguyên nhân do các công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai); Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện; Hồ chứa nước và các hạng mục phụ trợ khu dân cư phía Đông trung tâm xã Ia Toi đang triển khai các thủ tục thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo kế hoạch được duyệt.

2.6.3. Đất xây dựng cơ sở Văn hóa (DVH).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 5,08 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 1,28 ha; giảm 3,8 ha so với kế hoạch, đạt 25,2% so với kế hoạch.

Nguyên nhân do khó khăn về nguồn vốn nên công trình nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai chưa hoàn thiện công tác thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất.

2.6.4. Đất xây dựng cơ sở Y tế (DYT).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 13,61 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 9,12 ha; giảm 4,49 ha so với kế hoạch, đạt 67,01 % so với kế hoạch.

Nguyên nhân do dự án Bệnh viện đa khoa huyện chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra.

2.6.5. Đất xây dựng cơ sở Giáo dục và Đào tạo (DGD).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 21,34 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 21,34 ha; Sử dụng ổn định theo hiện trạng. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện đang chỉ đạo cơ quan chuyên môn, phối hợp với các Trường thực hiện thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tất cả các trường học trên địa bàn huyện.

2.6.6. Đất xây dựng cơ sở Thể dục Thể thao (DTT).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 2,23 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 2,23 ha; Sử dụng ổn định theo hiện trạng.

2.6.7. Đất công trình năng lượng (DNL).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 3.856,52 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 3.852,71 ha; giảm 3,81 ha so với kế hoạch, đạt 99,9 % so với kế hoạch.

Nguyên nhân do công trình xây kè chống sạt lở bờ sông hạ du Nhà máy thủy điện Sê San 4 chưa hoàn thành các thủ tục thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đề ra.

2.6.8. Đất công trình bưu chính viễn thông (DBV).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 0,31 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 0,31 ha; Sử dụng ổn định theo hiện trạng.

2.6.9. Đất Bãi thải, Xử lý chất thải (DRA).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 5 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 0 ha; giảm 5,0 ha so với kế hoạch.

Nguyên nhân do công trình Bãi rác tập trung chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

2.6.10. Đất cơ sở Tôn giáo (TON).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 4,51 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 0,7 ha; giảm 3,81 ha so với kế hoạch, đạt 15,52 % so với kế hoạch.

Nguyên nhân do các dự án Đất tôn giáo (*làng chài*); Quy hoạch mở rộng chùa Huệ Khánh; Đất tôn giáo hồ chứa nước số 1 chưa được triển khai thực hiện.

2.6.11. Đất làm Nghĩa trang, Nhà tang lễ, Nhà hỏa táng (NTD):

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 28,49 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 18,49 ha; giảm 10 ha so với kế hoạch, đạt 64,9 % so với kế hoạch.

Nguyên nhân do dự án Nghĩa trang nhân dân huyện đang thực hiện thủ tục thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất nên chưa được triển khai xây dựng theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia H'Drai.

2.6.12. Đất xây dựng Cơ sở Dịch vụ Xã hội (DXH).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 0,3 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 0,3 ha; Sử dụng ổn định theo hiện trạng.

2.6.13. Đất chợ (DCH): Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 1,7 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 1,7 ha; Sử dụng ổn định theo hiện trạng.

2.7. Đất ở tại nông thôn (ONT).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 655,59 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 595,34 ha; giảm 60,25 ha so với kế hoạch, bằng 90,81% kế hoạch.

Nguyên nhân: do các dự án có kế hoạch thực hiện trong năm 2022 như điểm dân cư số 48 mở rộng, điểm dân cư số 35, 37, 39, đấu giá quyền sử dụng đất và giao tiền có thu tiền sử dụng đất, chuyển mục đích đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt; đang thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Quy định tại Khoản 3, Điều 20, Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì dự án này thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (*cây cao su*) theo quy định.

Trong năm 2022 thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân qua các hình thức đấu giá, giao đất, công nhận quyền sử dụng đất tại các lô đất NKD3, MDT6, MDT7, MDT9 với diện tích 3,48 ha.

2.8. Đất trụ sở cơ quan (TSC).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 20,82 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 20,82 ha; không chênh lệch so với kế hoạch được duyệt.

2.9. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 2,51 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 2,27 ha; giảm 0,24 ha so với kế hoạch. Nguyên nhân do dự án xây dựng điểm dân cư số 64 chưa được triển khai thực hiện.

2.10. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 429,68 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 429,68 ha. Sử dụng ổn định theo hiện trạng.

Trong năm 2022 Ủy ban nhân dân tỉnh đã cho Công ty Cổ phần Mê Kông Kon Tum thuê đất tại Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 để thực hiện dự án khai thác mỏ cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Nam ngã ba sông Sa Thầy - suối Dốp thuộc ranh giới xã Ia Dom và xã Ia Đal diện tích 1,94 ha.

2.11. Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 29,72 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 29,78 ha; giảm 0,06 ha so với kế hoạch. Nguyên nhân do dự án xây dựng điểm dân cư số 64 chưa được triển khai thực hiện.

3. Đất chưa sử dụng (CSD).

Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là: 5,42 ha; kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 5,42 ha. Sử dụng ổn định theo hiện trạng.

Bảng 2. Danh mục dự án đã thực hiện trong năm 2022

STT	Dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Khai thác mỏ cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Nam ngã ba sông Sa Thầy - suối Dốp thuộc ranh giới xã Ia Dom và xã Ia Đal của Công ty Cổ phần Mê Kông Kon Tum	1,94	Xã Ia Dom
2	Chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duy Tân thuê đất thực hiện Dự án Nhà Máy chế biến mùn cao su	5,30	Xã Ia Toi
3	Đấu giá các khu NKD3, MDT6, MDT7, MDT9	3,48	Xã Ia Toi

II. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

Nhìn chung, kế hoạch sử dụng đất được duyệt đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện, nhất là trong công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

Tuy nhiên, qua đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho thấy vẫn còn nhiều tồn tại như sau:

Căn cứ tiến độ triển khai các công trình, dự án trong năm 2022, kết quả thu hồi đất như sau: trong tổng số 94 công trình, dự án được phê duyệt trong kế hoạch thì chỉ mới thực hiện được 3/94 công trình - dự án, đạt tỷ lệ 3,19%. Về diện tích đã thực hiện là 0 ha/1.848,09 ha; đạt 0,58% so với kế hoạch. Tỷ lệ diện tích thu hồi đạt thấp so với kế hoạch.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được phê duyệt trễ (tháng 5/2022) dẫn tới thời gian thực hiện ngắn, nên một số chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện chưa đạt kế hoạch. Bên cạnh đó thủ tục thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Quy định tại Khoản 3, Điều 20, Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, theo quy định phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh đối với rừng trồng và Thủ tướng Chính phủ đối với rừng tự nhiên nên thời gian kéo dài

Một số công trình nằm trong kế hoạch sử dụng đất chưa chủ động được nguồn vốn, chỉ mới dừng lại ở mức lập dự án nên được chuyển sang năm tiếp theo để thực hiện.

III. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

1. Nguyên nhân khách quan.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phụ thuộc vào phương hướng, mục tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp trong khi việc dự báo nhu cầu đất đai của các ngành còn hạn chế, độ chính xác chưa cao.

Tình hình Kinh tế - Xã hội những năm qua của tỉnh nói chung và huyện nói riêng gặp khó khăn, thiếu vốn đầu tư, đồng thời do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên có tác động đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch và thu hút đầu tư trên địa bàn.

Chính sách thắt chặt đầu tư công của nhà nước trong giai đoạn vừa qua do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế đã dẫn đến một số dự án, đặc biệt là các dự án lớn, dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật, công cộng phải giãn tiến độ đầu tư hoặc chậm triển khai thực hiện.

Do quy định về trình tự, thủ tục thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất của Luật Đất đai năm 2013, Luật Lâm nghiệp 2017 có nhiều thay đổi, chưa phù hợp với tình hình thực tế dẫn đến nhiều công trình, dự án đã thực hiện xong nhưng vẫn chưa hoàn thành các thủ tục, hồ sơ đất đai.

Đội ngũ cán bộ, người lao động (*lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng*) tại đơn vị còn thiếu kinh nghiệm chuyên môn, chưa thật sự chủ động, sâu sát trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao. Chưa sắp xếp thời gian một cách khoa học để nghiên cứu các Văn bản hướng dẫn về chuyên môn (*một số Văn bản hướng dẫn chuyên môn thay đổi liên tục nên việc nghiên cứu áp dụng chưa kịp thời*). Nên trong quá trình thực hiện, tham mưu còn chậm tiến độ.

Các văn bản quy định về chính sách bồi thường hỗ trợ chưa được cụ thể, còn chồng chéo, công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa được thường xuyên, nhân sự tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường còn mỏng, chưa đáp ứng được với nhu cầu công việc được giao, do vậy gây chậm trễ đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

2. Nguyên nhân chủ quan.

Nhu cầu quỹ đất để phát triển các ngành, lĩnh vực, các dự án đầu tư chưa được tính toán sát với chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội dẫn đến việc đăng ký danh mục các dự án, công trình nhiều hơn so với khả năng tổ chức thực hiện, đặc biệt là các dự án có diện tích lớn và nguồn vốn từ các doanh nghiệp.

Một số dự án, công trình có trong kế hoạch nhưng do ngân sách không bảo đảm hoặc bị động về nguồn thu nên sau khi công bố triển khai thực hiện đã phải dừng lại hoặc giãn tiến độ đầu tư, nhất là các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

Thời gian các tổ chức kinh tế lập dự án đầu tư và lập hồ sơ đất đai thực hiện chậm. Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, vì vậy trong năm đó không thực hiện được chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và phải chuyển sang năm sau.

Công tác giải phóng mặt bằng còn gặp khó khăn nguyên nhân trên địa bàn huyện hầu hết các Dự án thuộc Quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng trồng (cây cao su) theo quy định.

Nguồn vốn để mở rộng, xây mới các công trình phúc lợi xã hội chưa được phân bổ theo kế hoạch xây dựng nông thôn mới nên việc bố trí quỹ đất xây dựng gặp nhiều khó khăn, nhiều dự án không thực hiện được.

Một số dự án, công trình không bố trí được nguồn vốn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp, những tuyến giao thông thuộc tình đầu tư quản lý, nên phải giãn tiến độ đầu tư, bên cạnh đó việc đo đạc chính quy bản đồ địa chính, kiểm kê theo hướng dẫn, thông tư mới nên các chỉ tiêu sử dụng đất thay đổi.

Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa chặt chẽ, còn thiếu sự tham gia sâu rộng của người sử dụng đất. Việc kiểm tra giám sát tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa được thực hiện thường xuyên dẫn đến việc vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai vẫn còn xảy ra.

Tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng trái phép ở một số nơi vẫn còn, việc sử dụng đất không hiệu quả chưa được xử lý kịp thời theo quy định.

Thủ tục thu hồi, giải phóng mặt bằng nhiều, liên quan đến nhiều cấp thẩm định, phê duyệt.

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện còn gặp khó khăn nguyên nhân trên địa bàn huyện hầu hết các Dự án, công trình thuộc Quy định tại Khoản 3, Điều 20, Luật Lâm nghiệp 2017, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp và Văn bản số 6846/BNN-TCLN ngày 01 tháng 10 năm

2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì các dự án, công trình thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định nên thủ tục kéo dài (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trồng*).

Cần phải làm rõ diện tích đất trên có nằm trong diện tích đất lâm nghiệp có rừng theo kết quả kiểm tra rừng năm 2014, có nằm trong quy hoạch 03 loại rừng và kết quả theo dõi diễn biến rừng qua các năm từ 2014 đến nay hay không.

PHẦN III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 40, Luật Đất đai năm 2013 (*đã được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch*) nhằm đảm bảo là căn cứ xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023 xác định dựa trên danh mục dự án được phê duyệt thực hiện trong năm 2022 nhưng chưa thực hiện chuyển sang thực hiện trong năm 2023 và dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2023, đối với dự án đăng ký mới đã bổ sung văn bản pháp lý đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại theo quy định tại Điều 46, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo Khoản 1, Điều 6, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (*đã sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013*) thì khi kết thúc thời kỳ quy hoạch sử dụng đất mà các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết thì vẫn được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất thời kỳ tiếp theo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển Kinh tế - Xã hội; hiện trạng sử dụng đất năm năm 2022 của huyện Ia H'Drai; Căn cứ vào mục tiêu, định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội của huyện Ia H'Drai năm 2023 và Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai; Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhằm đáp ứng nhu cầu về đất đai để phát triển các ngành kinh tế, đạt hiệu quả đồng bộ cả 03 lợi ích: Kinh tế, Xã hội và Môi trường dựa trên quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, khoa học, hợp lý và có hiệu quả cao nhất.

I. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023.

Căn cứ quy định tại Khoản 4, Điều 11, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 được sửa đổi bởi Khoản 9, Điều 1, Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai, quy định: “*Trường hợp quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập đồng thời với việc lập quy hoạch tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập và thẩm định xong trước thì trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, nếu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh cho phù hợp.*”

Tại thời điểm lập kế hoạch, Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh chưa được phê duyệt, đối với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H'Drai đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 01/3/2022. Do đó, việc xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã chưa được xác định cụ thể.

II. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.

1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Ia H'Drai có 04 công trình do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất chưa thực hiện hoặc chưa thực hiện hết nhưng vẫn phù hợp với nhu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội trên địa bàn huyện được chuyển sang kế hoạch năm 2023 để tiếp tục thực hiện. Bao gồm:

Bảng 3. Dự án chưa thực hiện trong năm 2022 chuyển sang thực hiện trong năm 2023

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07	6,78	Xã Ia Đal
2	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	24,00	Xã Ia Toi
3	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025	0,24	Xã Ia Toi
4	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)	4,91	Xã Ia Toi

2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân.

2.1. Các công trình dự án đăng ký mới trong năm 2023.

Nhằm đảm bảo là căn cứ xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Để đáp ứng được nhu cầu phát triển của tỉnh Kon Tum nói chung và huyện Ia H'Drai nói riêng cũng như nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia

đình cá nhân trên địa bàn huyện, trong kế hoạch năm 2023 sẽ thực hiện các công trình sau:

Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng: Trong năm 2023, nhu cầu đất quốc phòng là 282,45 ha.

Bảng 4. Nhu cầu đất quốc phòng năm 2023

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	DTBCH	5,03	Xã Ia Toi
2	CDQ1	3,00	Xã Ia Đal
3	CDQ2	2,20	Xã Ia Toi
4	DHSCHCB	6,00	Xã Ia Toi
5	TTHL	266,22	Xã Ia Toi

Nhu cầu sử dụng đất an ninh: Trong năm 2023, nhu cầu đất an ninh là 0,65 ha để thực hiện xây dựng trụ sở làm việc Công an các xã.

Nhu cầu thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất

Bảng 5. Nhu cầu đăng ký mới năm 2023

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	32,04	Xã Ia Đal
2	Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện	15,32	Xã Ia Toi
3	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1, xã Ia Toi (giai đoạn 2)	0,77	Xã Ia Toi
4	Xây dựng bãi đỗ xe trước chợ trung tâm huyện	1,30	Xã Ia Toi
5	Nghĩa trang nhân dân huyện	10,00	Xã Ia Toi
6	Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai	3,80	Xã Ia Toi
7	Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ)	5,00	Xã Ia Toi
8	Nhà văn hóa thôn Ia Muung	0,25	Xã Ia Dom
9	Công trình đường ĐĐT31 (N57-N54)	1,34	Xã Ia Toi
10	Công trình đường ĐĐT21 (N40-N30)	0,57	Xã Ia Toi
11	Công trình đường ĐĐT20 (N39-N30)	0,53	Xã Ia Toi
12	Công trình đường ĐĐT22 (N32-N33)	0,20	Xã Ia Toi
13	Công trình đường ĐĐT23 (N34-N35)	0,19	Xã Ia Toi
14	Công trình đường ĐĐT24 (N37-N36)	0,20	Xã Ia Toi
15	Công trình đường ĐĐT33 (N64-N65)	0,15	Xã Ia Toi
16	Công trình đường ĐĐT36 (N9-N66)	0,14	Xã Ia Toi
17	Công trình đường ĐĐT37 (N7-N75)	0,55	Xã Ia Toi
18	Công trình đường ĐĐT27 (N40-N53)	0,55	Xã Ia Toi
19	Công trình đường ĐĐT32 (N55-N58)	0,32	Xã Ia Toi
20	Công trình đường ĐĐT30 (N52-N54)	0,41	Xã Ia Toi

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
21	Đường và hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7	0,10	Xã Ia Toi
22	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	1,38	Xã Ia Toi
23	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV4, DV5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	0,61	Xã Ia Toi
24	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV7, DV8, DV9, DV10 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	1,39	Xã Ia Toi
25	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất D1, D2, D3, D5, D6, D7, D8, D9, D10 Điểm dân cư số 41 Trung tâm hành chính xã Ia Toi (thuộc dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C (đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14C- Sê San 3)	5,35	Xã Ia Toi
26	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	4,63	Xã Ia Toi
27	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC1, MDC3, MDC11 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai	2,42	Xã Ia Toi
28	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC7, MDC15 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,17	Xã Ia Toi
29	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC16, MDC21, MDC24 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,60	Xã Ia Toi
30	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	2,13	Xã Ia Dom
31	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	0,45	Xã Ia Dom
32	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	0,09	Xã Ia Dom

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
33	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	0,39	Xã Ia Dom
34	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3 (Giai đoạn 1)	0,45	Xã Ia Dom
35	Cầu suối đá huyện	2,67	Xã Ia Toi
36	Đường giao thông thôn đi bến đò làng Dom thôn 9, xã Ia Toi	2,13	Xã Ia Toi
37	Công trình:Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Toi	1,79	Xã Ia Toi
38	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	1,79	Xã Ia Đal
39	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	0,94	Xã Ia Đal
40	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	2,13	Xã Ia Đal
41	Đường giao thông nông thôn thôn 6 (sau sân vận động thôn 6)	0,40	Xã Ia Đal
42	Đường giao thông nông thôn Ia Đal (Điểm dân cư số 10 mở rộng)	0,26	Xã Ia Đal
43	Đường giao thông nông thôn thôn Chư Hèm (Điểm dân cư mới công ty CP cao su Sa Thầy)	0,88	Xã Ia Đal
44	Điểm trường mầm non điểm dân cư số 4	0,16	Xã Ia Dom
45	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	5,50	Xã Ia Toi
46	Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	1,30	Xã Ia Toi
47	Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	1,36	Xã Ia Toi
48	Điểm dân cư số 48 mở rộng	15,97	Xã Ia Dom
49	Dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai	16,00	Xã Ia Toi
50	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dơr, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	38,00	Xã Ia Toi
51	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	4,59	Xã Ia Toi
52	Đường giao thông thôn đi bến đò làng nú Ia Dơr xã Ia Toi	0,20	Xã Ia Toi
53	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom	13,00	Xã Ia Đal, Xã Ia Dom
54	Chợ trung tâm xã Ia Đal	1,00	Xã Ia Đal
55	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3	0,05	Xã Ia Đal

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
56	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7	0,05	Xã Ia Đal
57	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
58	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
59	Dự án Xây dựng lưới điện (thôn Chư Hem, xã Ia Đal) thuộc Tiểu dự án 2- Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020-EU tài trợ thuộc Dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum (giai đoạn 2014-2020)	5,15	Xã Ia Đal
60	Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ia H'Drai-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	9,90	Xã Ia Toi, Xã Ia Đal, Xã Ia Dom
61	Xây dựng lắp lưới điện (thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai)	0,11	Xã Ia Toi
62	Xây lắp lưới điện trung tâm huyện Ia H'Drai	0,07	Xã Ia Toi
63	Trạm BTS KTM2018 06	0,04	Xã Ia Dom
64	Trạm BTS KTM2018 07	0,04	Xã Ia Đal

2.2. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất

Bảng 6. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất năm 2023

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Đất trụ sở nông trường 4 - Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Duy Tân	1,39	Xã Ia Toi
2	Trạm bảo vệ rừng số 5 (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai)	0,07	Xã Ia Toi
3	Trạm bảo vệ rừng số 6 (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai)	0,13	Xã Ia Toi
4	Dự án trồng cây xanh phục hồi rừng và kết hợp nông nghiệp công nghệ cao của Công ty TNHH 11-3 IA HDRAI	42,54	Xã Ia Toi
5	Dự án trồng cây lâu năm kết hợp với dịch vụ nông nghiệp của Công ty TNHH ĐăkBla xanh	0,52	Xã Ia Đal
6	Dự án trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát	19,50	Xã Ia Đal
7	Dự án nuôi trồng thủy sản của công ty Duy Tân (dự án thử nghiệm nuôi cá lồng)	3,77	Xã Ia Toi
8	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường (Đất san lấp)	2,92	Xã Ia Toi

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
9	Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy (số hiệu quy hoạch 168)	23,00	Xã Ia Toi và Ia Đal
10	Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy (số hiệu quy hoạch 168A)	33,70	Xã Ia Toi và Ia Đal
11	Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy (số hiệu quy hoạch 171)	34,00	Xã Ia Toi và Ia Đal
12	Nhà máy chế biến mủ cao su ChưMomRay của Công ty TNHH MTV Cao su ChưMomRay	7,00	Xã Ia Toi
13	Trụ sở Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray	1,60	Xã Ia Toi
14	Kho vật tư Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray	0,41	Xã Ia Toi
15	Nhà trẻ Nông trường Cao su Morai 1	0,27	Xã Ia Toi
16	Trung tâm Y tế Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray	0,32	Xã Ia Toi
17	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 3	3,14	Xã Ia Đal
18	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 4	0,60	Xã Ia Toi
19	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 1	1,00	Xã Ia Toi
20	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 2	1,50	Xã Ia Đal
21	Trạm quản lý bảo vệ rừng xã Ia Toi	0,15	Xã Ia Toi
22	Trạm quản lý bảo vệ rừng xã Ia Dom	0,15	Xã Ia Dom
23	Đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 47, thôn 2, xã Ia Dom	4,88	Xã Ia Dom
24	Mở rộng điểm dân cư số 47 tại thôn Ia Dom	0,70	Xã Ia Dom

3. Các khu vực sử dụng đất khác.

Trong năm 2023, trên địa bàn huyện thực hiện hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đất đai đối với các công trình đã được đầu tư xây dựng nhưng chưa được giao đất nên cần đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bảng 7. Các khu vực sử dụng đất khác

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
	Các công trình đăng ký làm thủ tục giao đất		
	Kế hoạch trồng rừng		
1	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất tập trung trên đất trống, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Ia H'Drai	25,12	Huyện Ia H'Drai
2	Dự án trồng rừng	300,00	Xã Ia Toi, Xã Ia Dom, Xã Ia Đal
	Các công trình đăng ký làm thủ tục giao đất		
1	Đường quy hoạch TTHC xã Ia Dom	2,00	Xã Ia Dom
2	Đường giao thông số 2 thôn 1, xã Ia Toi; Hạng mục Nền, mặt đường và các công trình phụ trợ	0,99	Xã Ia Toi

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
3	Đường giao thông thôn 1, xã Ia Dom (Đoạn từ trung tâm xã đi nhà máy cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Ia H'Drai (D1-1))	0,49	Xã Ia Dom
4	Đường giao thông nội bộ khu dân cư thôn Ia Đal, xã Ia Đal (Đoạn trung tâm xã Ia Đal (Đ4))	0,26	Xã Ia Đal
5	Đường giao thông số 3 thôn 1 xã Ia Toi	0,41	Xã Ia Toi
6	Đường GTNT thôn 1, xã Ia Dom (Đoạn từ trung tâm xã Ia Dom (D1, D2, D3))	0,33	Xã Ia Dom
7	Đường giao thông nội bộ khu dân cư thôn Ia Đal, xã Ia Đal (Đoạn trung tâm xã Ia Đal (Đ3))	0,24	Xã Ia Đal
8	Đường từ bến đò Làng Nủ đi điểm dân cư số 64, Thôn Ia Đor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1,00	Xã Ia Toi
9	Đường giao thông thôn Chư Hem, xã Ia Đal	0,45	Xã Ia Đal
10	Đường GTNT NT3-1, thôn 3, xã Ia Dom	0,33	Xã Ia Dom
11	Đường giao thông nội bộ khu dân cư TT xã Ia Đal (Đ5), thôn Ia Đal, xã Ia Đal	0,26	Xã Ia Đal
12	Đường GTNT NT3-1, thôn 3, xã Ia Dom (GĐ2)	0,50	Xã Ia Dom
13	Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới khu vực Hồ Le (đoạn Km6+475,67 đến Km7+315)	2,00	Xã Ia Đal
14	Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km3+426,82 - Km6 +457,67	5,82	Xã Ia Đal
15	Trường TH-THCS Hùng Vương (bậc tiểu học)	1,08	Xã Ia Đal
16	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 3)	0,19	Xã Ia Đal
17	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 7)	0,14	Xã Ia Đal
18	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 8)	0,25	Xã Ia Đal
19	Trường TH-THCS Hùng Vương thôn Ia Đal (Điểm chính bậc THCS)	0,74	Xã Ia Đal
20	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường thôn 2, bậc tiểu học)	0,25	Xã Ia Đal
21	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Điểm trường chính Bậc Trung học thôn 1)	0,97	Xã Ia Toi
22	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Điểm trường lẻ Bậc tiểu học thôn Ia Đor) điểm dân cư 64	1,06	Xã Ia Toi
23	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 1 bậc tiểu học)	0,95	Xã Ia Toi
24	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 7 bậc tiểu học)	1,13	Xã Ia Toi

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
25	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 9 bậc tiểu học)	0,36	Xã Ia Toi
26	Trường Tiểu học -THCS Nguyễn Du thôn 1	1,23	Xã Ia Dom
27	Trường Tiểu học -THCS Nguyễn Du thôn 2	0,20	Xã Ia Dom
28	Trường Tiểu học -THCS Nguyễn Du Nông trường 1 Duy Tân thôn 3	0,25	Xã Ia Dom
29	Trường Mầm non Tuổi Ngọc (Điểm trường trung tâm thôn 1)	0,62	Xã Ia Dom
30	Trường Mầm non Tuổi Ngọc, (điểm trường thôn Ia Muung)	0,15	Xã Ia Dom
31	Trường Mầm non Tuổi Ngọc điểm trường nông trường 1 Duy Tân thôn 3	0,58	Xã Ia Dom
32	Trường mầm non Măng Non (Điểm trường Thôn Chư Hem)	0,20	Xã Ia Đal
33	Trường Mầm non Măng Non Thôn Ia Đal (Điểm trường chính)	0,73	Xã Ia Đal
34	Trường Mầm non Măng Non Thôn Ia Đal (Điểm trường thôn 1,2)	0,45	Xã Ia Đal
35	Trường mầm non Hoa Mai, điểm trường chính	0,85	Xã Ia Toi
36	Trường mầm non Hoa Mai, thôn 8	0,43	Xã Ia Toi
37	Trường mầm non Hoa Mai, thôn 1	0,37	Xã Ia Toi
38	Trường mầm non Hoa Mai, thôn Ia Dor	0,32	Xã Ia Toi
39	Đường giao thông tiếp nối với Tỉnh lộ 674 đến đường Tuần tra biên giới xã Mo Rai, huyện Sa Thầy	10,00	Xã ia Dom
	<i>Khu vực giao đất tại các điểm dân cư cho Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai quản lý, sử dụng theo quy hoạch; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn</i>		
1	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 8, thuộc tiểu khu 726,733. Tọa độ: điểm đầu X(495053); Y(1565210); điểm cuối X(494816); Y(1565159)	0,24	Xã Ia Đal
2	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 7, thuộc tiểu khu 726,733. Tọa độ: điểm đầu X(494416); Y(1566243); điểm cuối X(492664); Y(1566368);	5,00	Xã Ia Đal
3	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 7, thuộc tiểu khu 726,733. Tọa độ: điểm đầu X(492309); Y(1566838); điểm cuối X(491542); Y(1567234);	1,05	Xã Ia Đal
4	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 7, thuộc tiểu khu 726,733. Tọa độ: điểm đầu X(491375); Y(1567043); điểm cuối X(491158);	0,50	Xã Ia Đal

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
	Y(1566710);		
5	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 7, thuộc tiểu khu 726,733. Tọa độ: điểm đầu X(490941); Y(1566422); điểm cuối X(490792); Y(1566164);	0,50	Xã Ia Đal
6	Giao đất ở tại nông thôn. điểm đầu X(487707); Y(1564256); điểm cuối X(486907); Y(1564364);	1,00	Xã Ia Đal
7	Giao đất ở tại nông thôn điểm dân cư số 9 (Thôn 4, xã Ia Đal), thuộc tiểu khu 726. Tọa độ: điểm đầu X(486324); Y(1563897); điểm cuối X(486060);Y(1563730);	0,95	Xã Ia Đal
8	Giao đất ở tại nông thôn điểm dân cư số 44,Thôn 1, xã Ia Toi, thuộc tiểu khu 747. Tọa độ: X: 496557; Y: 1559336	2,40	Xã Ia Toi
9	Giao đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 49, thôn Ia Muung, thôn 1, xã Ia Dom	1,73	Xã Ia Dom
10	Giao đất ở Điểm dân cư 3 (vị trí 2 Công ty ĐTPT Duy Tân)	6,50	Xã Ia Dom
11	Điểm dân cư số 35	7,00	Xã Ia Toi
12	Điểm dân cư số 36	6,40	Xã Ia Toi
13	Điểm dân cư số 37	5,95	Xã Ia Toi
14	Điểm dân cư số 39	5,10	Xã Ia Toi
15	Điểm dân cư số 40	1,50	Xã Ia Toi
16	Điểm dân cư số 63	6,50	Xã Ia Toi
17	Điểm dân cư số 14	17,60	Xã Ia Đal
18	Điểm dân cư số 15	12,50	Xã Ia Đal
19	Điểm dân cư số 17	18,10	Xã Ia Đal
20	Điểm dân cư số 20	12,70	Xã Ia Đal
21	Điểm dân cư số 33	2,50	Xã Ia Đal
22	Điểm dân cư số 16	26,59	Xã Ia Đal
23	Điểm dân cư số 18	12,10	Xã Ia Đal
24	Điểm dân cư số 19	21,28	Xã Ia Đal
25	Điểm dân cư số 21	22,61	Xã Ia Đal
26	Điểm dân cư số 22	12,10	Xã Ia Đal
27	Điểm dân cư số 24	15,73	Xã Ia Đal
29	Điểm dân cư số 32	19,93	Xã Ia Đal
30	Điểm dân cư số 7	27,25	Xã Ia Đal
31	Điểm dân cư số 9	20,93	Xã Ia Đal
32	Điểm dân cư số 23	25,50	Xã Ia Đal
33	Điểm dân cư số 26	24,40	Xã Ia Đal
34	Điểm dân cư số 27	6,60	Xã Ia Đal

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
35	Điểm dân cư số 30	11,93	Xã Ia Đal
36	Điểm dân cư số 31	4,26	Xã Ia Đal
37	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất tại điểm dân cư thôn 1 - xã Ia Dom (từ Trung tâm xã Ia Dom đến Km 79+070 QL 14C đến cầu Suối Cát (Km 80+843)	2,00	Xã Ia Dom
38	Giao đất tại điểm dân cư thôn 2 - xã Ia Dom (điểm dân cư số 47)	1,00	Xã Ia Dom
39	Đấu giá đất tại trung tâm hành chính xã Ia Đal	1,36	Xã Ia Đal

4. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.

Cân đối giữa các chỉ tiêu sử dụng đất đã được xây dựng trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2023.

Căn cứ bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai và đánh giá tiềm năng đất đai toàn huyện Ia H'Drai và từ quỹ đất chưa sử dụng; cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, nhu cầu đất ở nông thôn và đô thị hoá; xử lý sự chùng chéo nhu cầu sử dụng đất của các ngành; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch năm 2023 như sau:

Bảng 8. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Tăng (+), giảm (-) ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	91.676,91	91.188,44	-488,47
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	139,96	139,96	0,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>45,39</i>	<i>45,39</i>	<i>0,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.739,00	2.700,02	-38,98
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.730,20	8.640,39	-89,81
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	80.045,11	79.669,50	-375,61
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>55.636,47</i>	<i>55.457,94</i>	<i>-178,53</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	14,99	14,99	0,00
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	7,65	23,58	15,93
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.339,48	6.827,95	488,47
	<i>Trong đó:</i>				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Tăng (+), giảm (-) ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.1	Đất quốc phòng	CQP	126,09	408,54	282,45
2.2	Đất an ninh	CAN	5,62	6,27	0,65
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,40	19,71	0,31
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	86,28	93,28	7,00
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	0,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	8,08	11,00	2,92
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.000,75	5.139,27	138,52
	<i>Trong đó:</i>				
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>849,53</i>	<i>905,69</i>	<i>56,16</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>243,04</i>	<i>272,06</i>	<i>29,02</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>1,28</i>	<i>5,08</i>	<i>3,80</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>9,12</i>	<i>13,61</i>	<i>4,49</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>21,34</i>	<i>24,92</i>	<i>3,58</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>2,23</i>	<i>8,46</i>	<i>6,23</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>3.852,71</i>	<i>3.867,76</i>	<i>15,05</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,31</i>	<i>0,39</i>	<i>0,08</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>	-	-	<i>0,00</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	-	-	<i>0,00</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	-	<i>5,00</i>	<i>5,00</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>0,70</i>	<i>0,70</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>18,49</i>	<i>28,49</i>	<i>10,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>	-	-	<i>0,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>0,30</i>	<i>0,30</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>1,70</i>	<i>2,70</i>	<i>1,00</i>
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	0,00
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,11	2,32	1,21
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	12,08	12,08
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	595,34	639,54	44,20

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Tăng (+), giảm (-) ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-	0,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,82	20,82	0,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,27	2,51	0,24
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	0,00
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	-	-	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	429,68	429,68	0,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	29,78	29,78	0,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	14,26	17,26	3,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,42	5,42	0,00

4.1. Đất nông nghiệp (NNP).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 91.676,91 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 91.188,44 ha;

Giảm so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022: 488,47 ha.

Cụ thể:

4.1.1. Đất chuyên trồng lúa (LUA).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 : 139,96 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023: 139,96 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 .

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022: 45,39 ha;

Diện tích thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023: 45,39 ha;

Không biến động so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 .

Bảng 9. Chỉ tiêu sử dụng đất lúa năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Tơi	84,18	84,18	0,00
2	Xã Ia Đom	36,43	36,43	0,00
3	Xã Ia Đal	19,35	19,35	0,00
Tổng		139,96	139,96	0,00

4.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác (HNK).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 2.739 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 2.700,02 ha;

Giảm so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 38,98 ha do chuyển qua đất trồng cây lâu năm 6,34 ha; đất nông nghiệp khác 5,22 ha; đất quốc phòng 0,24 ha; đất an ninh 0,18 ha; đất thương mại dịch vụ 0,31 ha; đất phát triển hạ tầng 14,85 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 2,5 ha; đất ở nông thôn 8,84 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,5 ha.

Bảng 10. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	1.121,59	1.100,50	-21,09
2	Xã Ia Dom	803,34	801,30	-2,04
3	Xã Ia Đal	814,07	798,22	-15,85
Tổng		2.739,00	2.700,02	-38,98

4.1.3. Đất trồng cây lâu năm (CLN).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 8.730,2 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 8.640,39 ha;

Giảm 89,81 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022.

Nguyên nhân: tăng trong năm kế hoạch 23,61 ha chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 6,34 ha; đất rừng sản xuất 17,27 ha.

Giảm trong năm kế hoạch 113,42 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 10,71 ha; đất quốc phòng 60,85 ha; đất an ninh 0,47 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1 ha; đất phát triển hạ tầng 27,74 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,58 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 8 ha; đất ở tại nông thôn 3,03 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,24 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,8 ha.

Bảng 11. Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây lâu năm năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	6.840,13	6.779,13	-61,00
2	Xã Ia Dom	512,11	497,72	-14,39
3	Xã Ia Đal	1.377,96	1.363,54	-14,42
Tổng		8.730,20	8.640,39	-89,81

4.1.4. Đất rừng sản xuất (RSX)

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 80.045,11 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 79.669,5 ha;

Giảm so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 375,61 ha.

Nguyên nhân do chuyển sang các loại đất sau: đất trồng cây lâu năm 17,27 ha; đất quốc phòng 221,36 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 6 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 2,92 ha; đất phát triển hạ tầng 91,82 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,63 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,58 ha; đất ở nông thôn 32,33 ha; đất phi nông nghiệp khác 1,7 ha.

Hầu hết diện tích đất rừng sản xuất chuyển sang các mục đích khác là đất rừng trồng (cao su,...), đất lâm nghiệp không có rừng (rừng le, cây bụi...).

Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên (RSN)

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 55.636,47 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 55.457,94 ha;

Giảm so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 178,53 ha.

Nguyên nhân do chuyển sang đất quốc phòng 166,09 ha để thực hiện dự án DHSCHCB và TTHL; chuyển sang đất phát triển hạ tầng 12,44 ha để thực hiện dự án đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc giao chi tiết kế

hoạch điều chỉnh, bổ sung đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ia H'Drai (lần 1).

Bảng 12. Chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	30.681,95	30.358,38	-323,57
2	Xã Ia Dom	30.632,89	30.611,26	-21,63
3	Xã Ia Đal	18.730,27	18.699,86	-30,41
Tổng		80.045,11	79.669,50	-375,61

4.1.5. Đất nuôi trồng thủy sản (NTS).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 14,99 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 14,99 ha;

Sử dụng ổn định so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022.

Bảng 13. Chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	7,40	7,40	0,00
2	Xã Ia Dom	3,27	3,29	0,00
3	Xã Ia Đal	4,32	4,32	0,00
Tổng		14,99	14,99	0,00

4.1.6. Đất nông nghiệp khác (NKH).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 7,65 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 23,58 ha;

Tăng 15,93 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 5,22 ha; đất trồng cây lâu năm 10,71 ha; để thực hiện các dự án: Dự án trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát và Dự án nuôi trồng thủy sản của công ty Duy Tân (dự án thử nghiệm nuôi cá lồng).

Bảng 14. Chỉ tiêu sử dụng nông nghiệp khác năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	7,65	10,92	3,27
2	Xã Ia Dom	0,00	0,00	0,00
3	Xã Ia Đal	0,00	12,66	12,66
Tổng		7,65	23,58	15,93

4.2. Đất phi nông nghiệp (PNN).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 6.339,48 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 6.827,95 ha;

Tăng so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 488,47 ha.

Cụ thể các loại đất sau:

4.2.1. Đất quốc phòng (CQP).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 126,09 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 408,54 ha;

Tăng so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022: 282,45 ha.

Nguyên nhân do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,24 ha; đất trồng cây lâu năm 60,85 ha; đất rừng sản xuất 221,36 ha. Trong năm 2023 trên địa bàn huyện Ia H'Drai thực hiện 5 công trình đất Quốc phòng gồm: DTBCH; CDQ1; CDQ2; DHSCHCB và TTHL.

Bảng 15. Chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	45,94	325,39	279,45
2	Xã Ia Dom	19,27	19,27	0,00
3	Xã Ia Đal	60,88	63,88	3,00
Tổng		126,09	408,54	282,45

4.2.2. Đất an ninh (CAN).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 5,62 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 6,27 ha;

Tăng 0,65 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,18 ha; đất trồng cây lâu năm 0,47 ha. Trong năm 2023 trên địa bàn huyện Ia H'Drai thực hiện giao đất xây dựng trụ sở làm việc công an các xã.

Bảng 16. Chỉ tiêu sử dụng đất an ninh năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	5,62	5,82	0,20
2	Xã Ia Dom		0,27	0,27
3	Xã Ia Đal		0,18	0,18
Tổng		5,62	6,27	0,65

4.2.3. Đất thương mại, dịch vụ (TMD).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 19,4 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 19,71 ha;

Tăng 0,31 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác.

Bảng 17. Chỉ tiêu sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	14,58	14,89	0,31
2	Xã Ia Dom	3,23	3,23	0,00
3	Xã Ia Đal	1,59	1,59	0,00
Tổng		19,40	19,71	0,31

4.2.4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 86,28 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 93,28 ha;

Tăng so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 7 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 1 ha; đất rừng sản xuất 6 ha. Trong năm 2023 trên địa bàn

huyện Ia H'Drai thực hiện xây dựng Nhà máy chế biến mủ cao su ChuMomRay của Công ty TNHH MTV Cao su ChuMomRay.

Bảng 18. Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	55,21	62,21	7,00
2	Xã Ia Dom	10,97	10,97	0,00
3	Xã Ia Đal	20,10	20,10	0,00
Tổng		86,28	93,28	7,00

4.2.5. Đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 8,08 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 11 ha;

Tăng 2,92 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 được lấy từ đất rừng sản xuất để thực hiện khai thác đất làm vật liệu xây dựng thông thường.

Bảng 19. Chỉ tiêu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	2,92	5,84	2,92
2	Xã Ia Dom	0,00	0,00	0,00
3	Xã Ia Đal	5,16	5,16	0,00
Tổng		8,08	11,00	2,92

4.2.6. Đất phát triển hạ tầng (DHT).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 5.000,75 ha;

Diện tích sử dụng đất năm 2022 là: 5.139,27 ha;

Tăng so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 138,52 ha;

Bảng 20. Chỉ tiêu sử dụng đất phát triển hạ tầng năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	4.435,41	4.511,43	76,02
2	Xã Ia Dom	197,28	216,94	19,66
3	Xã Ia Đal	368,06	410,90	42,84
Tổng		5.000,75	5.139,27	138,52

Cụ thể từng loại đất như sau:

- Đất giao thông (DGT):

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 849,53 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 905,69 ha;

Tăng 56,16 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 0,75 ha; đất trồng cây lâu năm 11,30 ha; đất rừng sản xuất 43,56 ha; đất thủy lợi 0,55 ha để xây dựng các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật.

Bảng 21. Chỉ tiêu sử dụng đất giao thông năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
-----	----------	-----------------------------------	------------------------------------	----------------------

1	Xã Ia Toi	374,75	406,55	31,80
2	Xã Ia Dom	181,86	197,22	15,36
3	Xã Ia Đal	292,92	301,92	9,00
Tổng		849,53	905,69	56,16

- *Đất thủy lợi (DTL):*

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 243,04 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 272,06 ha;

Tăng 29,02 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022.

Tăng trong năm kế hoạch 29,57 ha được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 2,97 ha; đất trồng cây lâu năm 11,3 ha; đất rừng sản xuất 15,3 ha để hoàn thiện các thủ tục đất đai của Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai); Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện và xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại các điểm dân cư.

Giảm trong năm kế hoạch 0,55 ha do chuyển sang đất giao thông 0,55 ha.

Bảng 22. Chỉ tiêu sử dụng đất thủy lợi năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	179,89	184,76	4,87
2	Xã Ia Dom	0,00	0,00	0,00
3	Xã Ia Đal	63,15	87,30	24,15
Tổng		243,04	272,06	29,02

- *Đất văn hóa (DVH):*

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 1,28 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 5,08 ha;

Tăng 3,8 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 được lấy từ đất trồng cây hàng năm để thực hiện dự án Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai.

Bảng 23. Chỉ tiêu sử dụng đất văn hóa năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	0,96	4,76	3,80
2	Xã Ia Dom	0,32	0,32	0,00
3	Xã Ia Đal		0,00	0,00
Tổng		1,28	5,08	3,80

- *Đất y tế (DYT):*

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 9,12 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 13,61 ha;

Tăng 4,49 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 được lấy từ đất rừng sản xuất để thực hiện dự án Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh).

Bảng 24. Chỉ tiêu sử dụng đất y tế năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
-----	----------	-----------------------------------	------------------------------------	----------------------

1	Xã Ia Toi	7,42	11,91	4,49
2	Xã Ia Dom	1,70	1,70	0,00
3	Xã Ia Đal		0,00	0,00
Tổng		9,12	13,61	4,49

- Đất giáo dục (DGD):

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 21,34 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 24,92 ha;

Tăng 3,58 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 2,62 ha; đất rừng sản xuất 0,96 ha để đầu tư xây dựng Điểm trường mầm non điểm dân cư số 4, xã Ia Dom; điểm dân cư số 66, xã Ia Toi; Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện; Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính. Bên cạnh đó, nhằm hoàn thiện công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường học trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện đã bố trí kinh phí thực hiện công tác đo đạc đất giáo dục trên địa bàn huyện phục vụ công tác giao, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất giao dục.

Bảng 25. Chỉ tiêu sử dụng đất giáo dục năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	13,17	16,59	3,42
2	Xã Ia Dom	3,03	3,19	0,16
3	Xã Ia Đal	5,14	5,14	0,00
Tổng		21,34	24,92	3,58

- Đất thể dục thể thao (DTT):

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 2,23 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 8,46 ha;

Tăng 6,23 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,63 ha; đất trồng cây lâu năm 0,44 ha; đất rừng sản xuất 5,16 ha.

Bảng 26. Chỉ tiêu sử dụng đất thể dục thể thao năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	2,23	8,46	6,23
2	Xã Ia Dom	0,00	0,00	0,00
3	Xã Ia Đal	0,00	0,00	0,00
Tổng		2,23	8,46	6,23

- Đất công trình năng lượng (DNL):

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 3.852,71 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 3.867,76 ha;

Tăng 15,05 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 được lấy từ đất rừng sản xuất.

Bảng 27. Chỉ tiêu sử dụng đất năng lượng năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	3.847,56	3.849,86	2,30

2	Xã Ia Dom	0,00	4,10	4,10
3	Xã Ia Đal	5,15	13,80	8,65
Tổng		3.852,71	3.867,76	15,05

- *Đất công trình bưu chính viễn thông (DBV):*

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 0,31 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 0,39 ha;

Tăng 0,08 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 do chuyển sang từ đất trồng cây hàng năm khác.

- *Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA):*

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 0 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 5 ha;

Tăng 5 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 0,5 ha; đất trồng cây lâu năm 1 ha; đất rừng sản xuất 3,5 ha. Phân bổ tại xã Ia Toi.

- *Đất cơ sở tôn giáo (TON):*

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 0,7 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 0,7 ha;

Không biến động so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022. Phân bổ tại xã Ia Toi.

- *Đất làm nghĩa trang (NTD):*

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 18,49 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 28,49 ha;

Tăng 10 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 6,3 ha; đất trồng cây lâu năm 3,7 ha.

Bảng 28. Chỉ tiêu sử dụng đất làm nghĩa trang năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	6,42	16,42	10,00
2	Xã Ia Dom	10,37	10,37	0,00
3	Xã Ia Đal	1,70	1,70	0,00
Tổng		18,49	28,49	10,00

- *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội (DXH):*

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 0,3 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 0,3 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022.

Phân bổ tại xã Ia Toi.

- *Đất chợ (DCH):*

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 1,7 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 2,7 ha;

Tăng 1 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang.

Bảng 29. Chỉ tiêu sử dụng đất chợ năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
-----	----------	-----------------------------------	------------------------------------	----------------------

1	Xã Ia Toi	1,70	1,70	0,00
2	Xã Ia Dom	0,00	0,00	0,00
3	Xã Ia Đal	0,00	1,00	1,00
Tổng		1,70	2,70	1,00

- *Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH):*

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 1,11 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 2,32 ha;

Tăng 1,21 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 được lấy từ đất trồng cây lâu năm 0,58 ha; đất rừng sản xuất 0,63 ha.

Bảng 30. Chỉ tiêu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	1,05	1,43	0,38
2	Xã Ia Dom	0,00	0,83	0,83
3	Xã Ia Đal	0,06	0,06	0,00
Tổng		1,11	2,32	1,21

4.2.7. Đất ở tại nông thôn (ONT).

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 595,34 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 639,54 ha;

Tăng so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 44,2 ha do chuyển từ các loại đất trồng cây hàng năm khác 8,84 ha; đất trồng cây lâu năm 3,03 ha; đất rừng sản xuất 32,33 ha. Diện tích đất ở tại nông thôn tăng là do xây dựng các điểm dân cư công nhân, đất dùng đầu giá quyền sử dụng đất. Bên cạnh đó, để có cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài, Ủy ban nhân dân huyện đã giao phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị trồng cao su trên địa bàn huyện thực hiện công tác giao đất về cho Ủy ban nhân dân huyện sử dụng theo quy hoạch.

Bảng 31. Chỉ tiêu sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	195,42	230,47	35,05
2	Xã Ia Dom	175,47	184,62	9,15
3	Xã Ia Đal	224,45	224,45	0,00
Tổng		595,34	639,54	44,20

4.2.8. Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC):

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 20,82 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 20,82 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022.

Bảng 32. Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	15,57	15,57	0,00
2	Xã Ia Dom	1,79	1,79	0,00
3	Xã Ia Đal	3,46	3,46	0,00

Tổng	20,82	20,82	0,00
-------------	--------------	--------------	-------------

4.2.9. Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp (DTS):

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 2,27 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 2,51 ha;

Tăng 0,24 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 do chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang để thực hiện dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai.

Bảng 33. Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Tăng (+), giảm (-)
1	Ia Toi	0,47	0,71	0,24
2	Ia Dom	1,80	1,80	0,00
3	Ia Đal			0,00
Tổng		2,27	2,51	0,24

4.2.10. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON):

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 429,68 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 429,68 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022.

Bảng 34. Chỉ tiêu sử dụng đất sông suối năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	137,63	137,63	0,00
2	Xã Ia Dom	129,99	129,99	0,00
3	Xã Ia Đal	162,06	162,06	0,00
Tổng		429,68	429,68	0,00

4.2.11. Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC):

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 29,78 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 29,78 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022.

4.2.12. Đất phi nông nghiệp khác (PNK):

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 14,26 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 17,26 ha;

Tăng 3 ha so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,5 ha; đất trồng cây lâu năm 0,8 ha; đất rừng sản xuất 1,7 ha để hoàn thiện thủ tục đất đai các trạm quản lý bảo vệ rừng, trụ sở các công ty, nông trường của doanh nghiệp trồng cao su trên địa bàn huyện.

Bảng 35. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp khác năm 2023

STT	Địa điểm	Hiện trạng đến cuối năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
1	Xã Ia Toi	7,93	8,78	0,85

2	Xã Ia Dom	3,19	3,34	0,15
3	Xã Ia Đal	3,14	5,14	2,00
Tổng		14,26	17,26	3,00

4.3. Đất chưa sử dụng (CSD):

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022 là: 5,42 ha;

Diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là: 5,42 ha;

Không chênh lệch so với kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2022.

5. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong năm 2023

(chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu số: 07/CH)

Bảng 36. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong năm 2023

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	488,47
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	27,42
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	102,71
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	358,34
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>178,53</i>
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		17,27
	<i>Trong đó:</i>		
	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR (a)	17,27

5.1. Diện tích đất nông nghiệp chuyển qua đất phi nông nghiệp:

Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 488,47 ha, cụ thể:

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 27,42 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 102,71 ha.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 358,34 ha.

5.2. Diện tích chuyển đổi trong nội bộ đất nông nghiệp:

Năm 2023 chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 17,27 ha do chuyển từ đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp không phải là rừng.

6. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2023

(Chi tiết đến ĐVHC cấp xã tại biểu số 08/CH)

Bảng 37. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Ia Toi	Ia Dom	Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..	(5)	(6)	(7)
	Tổng		552,40	446,91	41,30	64,19
1	Đất nông nghiệp	NNP	471,43	391,62	33,79	46,02
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26,92	21,09	2,04	3,79

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Ia Toi	Ia Dom	Ia Đal
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..	(5)	(6)	(7)
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	100,91	72,83	14,24	13,84
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX	343,60	297,70	17,51	28,39
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>178,53</i>	<i>178,53</i>		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	80,97	55,29	7,51	18,17
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,00	2,00		
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	43,51	25,60	7,51	10,40
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	42,36	24,67	7,51	10,18
-	Đất thủy lợi	DTL	0,55	0,33		0,22
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,42	0,42		
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,18	0,18		
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	17,17	17,17		
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	18,29	10,52		7,77

7. Danh mục các công trình, dự án trong năm 2023.

Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023 xác định dựa trên danh mục dự án được phê duyệt thực hiện trong năm 2022 nhưng chưa thực hiện chuyển sang thực hiện trong năm 2023 và dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2023, đối với dự án đăng ký mới đã bổ sung văn bản pháp lý đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại theo quy định tại Điều 46 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, trên địa bàn huyện Ia H'Drai dự kiến thực hiện 1.463,57 ha với các công trình, dự án tại 03 xã.

(Chi tiết đến ĐVHC cấp xã tại biểu số 10/CH).

a. Các công trình dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch.

Bảng 38. Các công trình sử dụng đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất Đai để thực hiện thu hồi đất trong năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng		

STT	Hạng mục	Diện	Địa điểm
	đất cấp tỉnh		
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		
1.1.1	Công trình, dự án chuyển tiếp		
1	DTBCH	5,03	Xã Ia Toi
2	CDQ1	3,00	Xã Ia Đal
3	CDQ2	2,20	Xã Ia Toi
4	DHSCHCB	6,00	Xã Ia Toi
5	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Dom	0,27	Xã Ia Dom
6	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Đal	0,18	Xã Ia Đal
7	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Toi	0,20	Xã Ia Toi
1.1.2.	Công trình đăng ký mới		
1	TTHL	266,22	Xã Ia Toi
1.2	Công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng		
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất		
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất		
2	Công trình, dự án còn lại		
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
2.1.1	Công trình chuyển tiếp		
1	Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07	6,78	Xã Ia Đal
2	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	24,00	Xã Ia Toi
3	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025	0,24	Xã Ia Toi
4	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)	4,91	Xã Ia Toi
2.1.2	Công trình, dự án đăng ký mới		
1	Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	32,04	Xã Ia Đal
2	Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện	15,32	Xã Ia Toi
3	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1, xã Ia Toi (giai đoạn 2)	0,77	Xã Ia Toi
4	Xây dựng bãi đỗ xe trước chợ trung tâm huyện	1,30	Xã Ia Toi
5	Nghĩa trang nhân dân huyện	10,00	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện	Địa điểm
6	Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai	3,80	Xã Ia Toi
7	Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ)	5,00	Xã Ia Toi
8	Nhà văn hóa thôn Ia Muung	0,25	Xã Ia Dom
9	Công trình đường ĐĐT31 (N57-N54)	1,34	Xã Ia Toi
10	Công trình đường ĐĐT21 (N40-N30)	0,57	Xã Ia Toi
11	Công trình đường ĐĐT20 (N39-N30)	0,53	Xã Ia Toi
12	Công trình đường ĐĐT22 (N32-N33)	0,20	Xã Ia Toi
13	Công trình đường ĐĐT23 (N34-N35)	0,19	Xã Ia Toi
14	Công trình đường ĐĐT24 (N37-N36)	0,20	Xã Ia Toi
15	Công trình đường ĐĐT33 (N64-N65)	0,15	Xã Ia Toi
16	Công trình đường ĐĐT36 (N9-N66)	0,14	Xã Ia Toi
17	Công trình đường ĐĐT37 (N7-N75)	0,55	Xã Ia Toi
18	Công trình đường ĐĐT27 (N40-N53)	0,55	Xã Ia Toi
19	Công trình đường ĐĐT32 (N55-N58)	0,32	Xã Ia Toi
20	Công trình đường ĐĐT30 (N52-N54)	0,41	Xã Ia Toi
21	Đường và hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7	0,10	Xã Ia Toi
22	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	1,38	Xã Ia Toi
23	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV4, DV5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	0,61	Xã Ia Toi
24	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV7, DV8, DV9, DV10 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	1,39	Xã Ia Toi
25	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất D1, D2, D3, D5, D6, D7, D8, D9, D10 Điểm dân cư số 41 Trung tâm hành chính xã Ia Toi (thuộc dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C (đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14C- Sê San 3)	5,35	Xã Ia Toi
26	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	4,63	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện	Địa điểm
27	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC1, MDC3, MDC11 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai	2,42	Xã Ia Toi
28	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC7, MDC15 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,17	Xã Ia Toi
29	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC16, MDC21, MDC24 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,60	Xã Ia Toi
30	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	2,13	Xã Ia Dom
31	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	0,45	Xã Ia Dom
32	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	0,09	Xã Ia Dom
33	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	0,39	Xã Ia Dom
34	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3 (Giai đoạn 1)	0,45	Xã Ia Dom
35	Cầu suối đá huyện	2,67	Xã Ia Toi
36	Đường giao thông thôn đi bên đò làng Dom thôn 9, xã Ia Toi	2,13	Xã Ia Toi
37	Công trình:Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Toi	1,79	Xã Ia Toi
38	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	1,79	Xã Ia Đal
39	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	0,94	Xã Ia Đal
40	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	2,13	Xã Ia Đal
41	Đường giao thông nông thôn thôn 6 (sau sân vận động thôn 6)	0,40	Xã Ia Đal
42	Đường giao thông nông thôn Ia Đal (Điểm dân cư số 10 mở rộng)	0,26	Xã Ia Đal
43	Đường giao thông nông thôn thôn Chư Hém (Điểm dân cư mới công ty CP cao su Sa Thầy)	0,88	Xã Ia Đal
44	Điểm trường mầm non điểm dân cư số 4	0,16	Xã Ia Dom
45	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm	5,50	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện	Địa điểm
	huyện		
46	Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	1,30	Xã Ia Toi
47	Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	1,36	Xã Ia Toi
48	Điểm dân cư số 48 mở rộng	15,97	Xã Ia Dom
49	Dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai	16,00	Xã Ia Toi
50	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	38,00	Xã Ia Toi
51	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	4,59	Xã Ia Toi
52	Đường giao thông thôn đi bên đò làng nú Ia Dor xã Ia Toi	0,20	Xã Ia Toi
53	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom	13,00	Xã Ia Đal, Xã Ia Dom
54	Chợ trung tâm xã Ia Đal	1,00	Xã Ia Đal
55	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3	0,05	Xã Ia Đal
56	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7	0,05	Xã Ia Đal
57	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
58	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
59	Dự án Xây dựng lưới điện (thôn Chư Hem, xã Ia Đal) thuộc Tiểu dự án 2- Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020-EU tài trợ thuộc Dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum (giai đoạn 2014-2020)	5,15	Xã Ia Đal
60	Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ia H'Drai-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	9,90	Xã Ia Toi, Xã Ia Đal, Xã Ia Dom
61	Xây dựng lắp lưới điện (thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai)	0,11	Xã Ia Toi
62	Xây lắp lưới điện trung tâm huyện Ia H'Drai	0,07	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện	Địa điểm
63	Trạm BTS KTM2018_06	0,04	Xã Ia Dom
64	Trạm BTS KTM2018_07	0,04	Xã Ia Đal

b. Các công trình dự án sử dụng đất vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.

Bảng 39. Các dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn trong năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp Xã)
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		
1.1.1	Công trình, dự án chuyển tiếp		
1	DTBCH	5,03	Xã Ia Toi
2	CDQ1	3,00	Xã Ia Đal
3	CDQ2	2,20	Xã Ia Toi
4	DHSCHCB	6,00	Xã Ia Toi
5	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Dom	0,27	Xã Ia Dom
6	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Đal	0,18	Xã Ia Đal
7	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Toi	0,20	Xã Ia Toi
1.1.2.	Công trình đăng ký mới		
1	TTHL	266,22	Xã Ia Toi
1.2	Công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng		
1.2.1	<i>Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất</i>		
1.2.2	<i>Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất</i>		
2	Công trình, dự án còn lại		
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
2.1.1	Công trình chuyển tiếp		
1	Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07	6,78	Xã Ia Đal
2	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	24,00	Xã Ia Toi
3	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng	0,24	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện	Địa điểm
	cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021-2025		
4	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)	4,91	Xã Ia Toi
2.1.2	Công trình, dự án đăng ký mới		
1	Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	32,04	Xã Ia Đal
2	Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện	15,32	Xã Ia Toi
3	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1, xã Ia Toi (giai đoạn 2)	0,77	Xã Ia Toi
4	Xây dựng bãi đỗ xe trước chợ trung tâm huyện	1,30	Xã Ia Toi
5	Nghĩa trang nhân dân huyện	10,00	Xã Ia Toi
6	Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai	3,80	Xã Ia Toi
7	Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ)	5,00	Xã Ia Toi
8	Nhà văn hóa thôn Ia Muung	0,25	Xã Ia Dom
9	Công trình đường ĐĐT31 (N57-N54)	1,34	Xã Ia Toi
10	Công trình đường ĐĐT21 (N40-N30)	0,57	Xã Ia Toi
11	Công trình đường ĐĐT20 (N39-N30)	0,53	Xã Ia Toi
12	Công trình đường ĐĐT22 (N32-N33)	0,20	Xã Ia Toi
13	Công trình đường ĐĐT23 (N34-N35)	0,19	Xã Ia Toi
14	Công trình đường ĐĐT24 (N37-N36)	0,20	Xã Ia Toi
15	Công trình đường ĐĐT33 (N64-N65)	0,15	Xã Ia Toi
16	Công trình đường ĐĐT36 (N9-N66)	0,14	Xã Ia Toi
17	Công trình đường ĐĐT37 (N7-N75)	0,55	Xã Ia Toi
18	Công trình đường ĐĐT27 (N40-N53)	0,55	Xã Ia Toi
19	Công trình đường ĐĐT32 (N55-N58)	0,32	Xã Ia Toi
20	Công trình đường ĐĐT30 (N52-N54)	0,41	Xã Ia Toi
21	Đường và hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7	0,10	Xã Ia Toi
22	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	1,38	Xã Ia Toi
23	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV4, DV5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	0,61	Xã Ia Toi
24	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV7, DV8, DV9, DV10 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia	1,39	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện	Địa điểm
	H'Drai, tỉnh Kon Tum		
25	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất D1, D2, D3, D5, D6, D7, D8, D9, D10 Điểm dân cư số 41 Trung tâm hành chính xã Ia Toi (thuộc dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C (đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14C- Sê San 3)	5,35	Xã Ia Toi
26	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	4,63	Xã Ia Toi
27	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC1, MDC3, MDC11 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai	2,42	Xã Ia Toi
28	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC7, MDC15 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,17	Xã Ia Toi
29	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC16, MDC21, MDC24 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,60	Xã Ia Toi
30	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	2,13	Xã Ia Dom
31	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	0,45	Xã Ia Dom
32	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	0,09	Xã Ia Dom
33	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	0,39	Xã Ia Dom
34	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3 (Giai đoạn 1)	0,45	Xã Ia Dom
35	Cầu suối đá huyện	2,67	Xã Ia Toi
36	Đường giao thông thôn đi bên đò làng Dom thôn 9, xã Ia Toi	2,13	Xã Ia Toi
37	Công trình:Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Toi	1,79	Xã Ia Toi
38	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	1,79	Xã Ia Đal

STT	Hạng mục	Diện	Địa điểm
39	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	0,94	Xã Ia Đal
40	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	2,13	Xã Ia Đal
41	Đường giao thông nông thôn thôn 6 (sau sân vận động thôn 6)	0,40	Xã Ia Đal
42	Đường giao thông nông thôn Ia Đal (Điểm dân cư số 10 mở rộng)	0,26	Xã Ia Đal
43	Đường giao thông nông thôn thôn Chư Hèm (Điểm dân cư mới công ty CP cao su Sa Thầy)	0,88	Xã Ia Đal
44	Điểm trường mầm non điểm dân cư số 4	0,16	Xã Ia Dom
45	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	5,50	Xã Ia Toi
46	Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	1,30	Xã Ia Toi
47	Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	1,36	Xã Ia Toi
48	Điểm dân cư số 48 mở rộng	15,97	Xã Ia Dom
49	Dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai	16,00	Xã Ia Toi
50	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	38,00	Xã Ia Toi
51	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	4,59	Xã Ia Toi
52	Đường giao thông thôn đi bến đò làng nú Ia Dor xã Ia Toi	0,20	Xã Ia Toi
53	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom	13,00	Xã Ia Đal, Xã Ia Dom
54	Chợ trung tâm xã Ia Đal	1,00	Xã Ia Đal
55	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3	0,05	Xã Ia Đal
56	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7	0,05	Xã Ia Đal
57	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi
58	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Toi	0,05	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Diện	Địa điểm
59	Dự án Xây dựng lưới điện (thôn Chư Hem, xã Ia Đal) thuộc Tiểu dự án 2- Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020-EU tài trợ thuộc Dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum (giai đoạn 2014-2020)	5,15	Xã Ia Đal
60	Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ia H'Drai-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	9,90	Xã Ia Toi, Xã Ia Đal, Xã Ia Dom
61	Xây dựng lắp lưới điện (thôn 9, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai)	0,11	Xã Ia Toi
62	Xây lắp lưới điện trung tâm huyện Ia H'Drai	0,07	Xã Ia Toi

c. Các công trình dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

Bảng 40. Các công trình dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong năm 2023

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Xây dựng bãi đỗ xe trước chợ trung tâm huyện	1,30	Xã Ia Toi
2	Công trình đường ĐĐT31 (N57-N54)	1,34	Xã Ia Toi
3	Công trình đường ĐĐT21 (N40-N30)	0,57	Xã Ia Toi
4	Công trình đường ĐĐT20 (N39-N30)	0,53	Xã Ia Toi
5	Công trình đường ĐĐT22 (N32-N33)	0,20	Xã Ia Toi
6	Công trình đường ĐĐT23 (N34-N35)	0,19	Xã Ia Toi
7	Công trình đường ĐĐT24 (N37-N36)	0,20	Xã Ia Toi
8	Công trình đường ĐĐT33 (N64-N65)	0,15	Xã Ia Toi
9	Công trình đường ĐĐT36 (N9-N66)	0,14	Xã Ia Toi
10	Công trình đường ĐĐT37 (N7-N75)	0,55	Xã Ia Toi
11	Công trình đường ĐĐT27 (N40-N53)	0,55	Xã Ia Toi
12	Công trình đường ĐĐT32 (N55-N58)	0,32	Xã Ia Toi
13	Công trình đường ĐĐT30 (N52-N54)	0,41	Xã Ia Toi
14	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	1,38	Xã Ia Toi
15	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	24,00	Xã Ia Toi

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
16	Đường giao thông từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07	6,78	Xã Ia Đal
17	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV4, DV5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	0,61	Xã Ia Toi
18	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV7, DV8, DV9, DV10 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	1,39	Xã Ia Toi
19	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất D1, D2, D3, D5, D6, D7, D8, D9, D10 Điểm dân cư số 41 Trung tâm hành chính xã Ia Toi (thuộc dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C (đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14C- Sê San 3)	5,35	Xã Ia Toi
20	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	4,63	Xã Ia Toi
21	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC1, MDC3, MDC11 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai	2,42	Xã Ia Toi
22	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC7, MDC15 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,17	Xã Ia Toi
23	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC16, MDC21, MDC24 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2,60	Xã Ia Toi
24	Điểm dân cư số 48 mở rộng	15,97	Xã Ia Dom

STT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
	<i>Dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2023</i>		
1	Dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai	16,00	Xã Ia Toi
2	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	38,00	Xã Ia Toi
3	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	4,59	Xã Ia Toi

8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2023.

- Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

- Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Căn cứ Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Căn cứ Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Căn cứ bảng giá bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây cối, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh khi nhà nước thu hồi đất; căn cứ những chính sách ưu đãi của nhà nước, của tỉnh đối với những doanh nghiệp thuê đất để đầu tư sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở Danh mục công trình, diện tích các loại đất chuyển đổi mục đích sử dụng đất và diện tích đất sẽ thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất 2023 để phục vụ các công trình trên địa bàn huyện, áp dụng bảng giá đất định kỳ 05 năm trên địa bàn tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum và hệ số điều chỉnh giá theo Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

8.1. Tổng nguồn thu.

Đơn giá được xác định theo vị trí thực hiện dự án được quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Kon Tum về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Bảng 41. Tổng nguồn thu trong năm 2023

	Diện tích (ha)	Đơn giá (triệu đồng)	Hệ số điều chỉnh giá	Thành tiền (triệu đồng)
Thu từ giao đất				87.178,5
Đất ở tại nông thôn				87.178,5
<i>Xã Ia Toi</i>	21,45	700	1,20	18.018,00
	13,6	1.800	2,50	61.200,00
<i>Xã Ia Dom</i>	9,15	725	1,20	7.960,50
Thu từ cho thuê đất				11.460,88
Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	7,00	1.448	1,00	10.136,00
Đất sản xuất vật liệu xây dựng	2,92	300	1,00	876,00
Đất thương mại dịch vụ	0,31	1.448	1,00	448,88
Tổng nguồn thu	54,43			98.639,38

8.2. Tổng các khoản chi.

Cơ sở được xác định đơn giá dựa vào vị trí thực hiện các dự án được quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Bảng 42. Tổng nguồn chi trong năm 2023

	Diện tích (ha)	Đơn giá (triệu đồng)	Hệ số điều chỉnh giá	Thành tiền (triệu đồng)
Đất trồng cây hàng năm khác	26,92	60,00	1,80	5.814,72
Đất trồng cây lâu năm	100,91	60,00	1,80	21.796,56
Đất rừng sản xuất	343,60	45,00	1,50	23.193,00
Tổng	475,54			50.804,28

8.3. Cân đối các khoản thu chi.

Tổng thu 83.571,13 triệu đồng

Tổng chi 43.110,00 triệu đồng

Tổng thu - Tổng chi = 98.639,38 – 50.804,28 = 47.835,1 triệu đồng.

PHẦN IV**GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Để đảm bảo thực hiện đạt mục đích, yêu cầu theo các chỉ tiêu sử dụng đất theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo và thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

I. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tích cực trồng rừng, bảo vệ rừng. Xử lý nghiêm các hành vi huỷ hoại môi trường sinh thái.

Có các giải pháp cơ bản lâu dài xử lý nước thải ở các khu sản xuất kinh doanh tập trung, trung tâm y tế, hệ thống thoát nước các khu dân cư.

Giao đất theo tiến độ, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới. Đất đã giao khi hết hạn sử dụng phải thu hồi kịp thời.

Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất: quy hoạch trung tâm cụm xã; các khu dân cư nông thôn; khu sản xuất tập trung.

Có hướng chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất nhằm nâng cao giá trị kinh tế do với diện tích đất canh tác trên cơ sở cân nhắc sự phù hợp với điều kiện tự nhiên đảm bảo tính bền vững, lâu dài.

Phát triển nông nghiệp gắn với phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế: Giao thông, thuỷ lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ,...

Việc triển khai các dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoạt động sản xuất nông nghiệp, sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, sử dụng đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đất, bảo đảm không làm ô nhiễm, suy giảm, thoái hóa chất lượng đất, không làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 1 Điều 11 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.**1. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư.**

Giải pháp quan trọng nhất, quyết định thực hiện thành công kế hoạch sử dụng đất, chuyển dịch cơ cấu và giải quyết các vấn đề xã hội là việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, phát huy cao các nguồn nội lực và tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài.

Các công trình thuộc đối tượng đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện là rất lớn. Để phát huy hiệu quả công trình vốn ngân sách nhà nước đầu tư, cần phải huy động tốt các nguồn lực trong dân để thực hiện đồng bộ với các công trình của nhà nước, tiếp tục thực hiện theo phương châm Nhà

nước và nhân dân cùng làm, phấn đấu huy động nhiều nguồn vốn cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, trước hết là giao thông, thủy lợi, lưới điện,...

Thực hiện chủ trương tiết kiệm để tăng vốn đầu tư phát triển, tăng cường công tác kiểm tra chất lượng công trình, xử lý kịp thời các vi phạm về chất lượng công trình, tránh lãng phí thất thoát vốn và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư xây dựng.

Phát triển mạnh mạng lưới chợ và các cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ đến các địa bàn cơ sở, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thu mua chế biến nông thủy sản, tham gia các hội chợ triển lãm nông nghiệp, thương mại để tiếp thị sản phẩm hàng hoá của địa phương. Đồng thời khuyến khích các loại hình kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác xã và hợp tác, nhất là ở các vùng nuôi trồng thủy sản, các làng nghề thủ công. Thông qua kinh tế hợp tác đảm bảo cung cấp các dịch vụ sản xuất, thực hiện ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp, làm đầu mối thông tin thị trường, hướng dẫn kỹ thuật,...

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội của huyện.

Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

3. Giải pháp về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Tiếp tục hoàn thiện quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác.

Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ bồi thường đối với những người trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

III. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai sẽ đưa vào tổ chức triển khai thực hiện, giao trách nhiệm cụ thể cho các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã triển khai và quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

Phòng Kinh tế - Hạ tầng: chủ trì phối hợp với các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã tổ chức công bố công khai theo quy định, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền có liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

Có trách nhiệm cùng với các địa phương rà soát những trường hợp sử dụng đất sai mục đích khác với hồ sơ địa chính và kế hoạch được duyệt, đề xuất phương án xử lý cụ thể theo nguyên tắc vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật vừa hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng đến đời sống của người sử dụng đất.

Các Phòng, Ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện: bám sát vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện đã được phê duyệt để tổ chức thực hiện, đôn đốc các tổ chức sử dụng đất do ngành quản lý thực hiện các thủ tục về đất đúng tiến độ và đúng theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Trường hợp có phát sinh các nhu cầu về đất, cần tiến hành các thủ tục đăng ký, xin chủ trương và sẽ bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

Ủy ban nhân dân các xã: Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất và đề xuất biện pháp xử lý đối với những trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thực hiện tốt cơ chế chính sách khuyến khích, đầu tư, bảo vệ, sử dụng tiết kiệm đất

Đối với các chủ đầu tư: Cần chủ động bố trí vốn và ký cam kết để thực hiện các công trình, dự án đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện: cần nhanh chóng tiến hành các thủ tục theo quy định để được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được phê duyệt.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận.

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm đáp ứng nhu cầu cho các ngành thực hiện các nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, An ninh - Quốc phòng, là cơ sở khoa học và pháp lý để quản lý sử dụng đất có hiệu quả tiết kiệm.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, Kinh tế - Xã hội, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các xã phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thể hiện kết quả trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 vị trí các công trình, quy mô thực hiện dự án làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện các công tác thu hồi, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật. Do đó, kế hoạch sử dụng đất được xây dựng mang tính hệ thống và phù hợp với mục tiêu, chiến lược về phát triển Kinh tế - Xã hội trong thời gian tới.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai được xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2021/TT- BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cập nhật kế hoạch phát triển của các ngành, các xã và cân nhắc khả năng đầu tư từ nguồn ngân sách và ngoài ngân sách trên địa bàn huyện; tranh thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định các định hướng lớn về sử dụng đất trên địa bàn cũng như quy trình kỹ thuật, nội dung để xây dựng kế hoạch sử dụng đất, do vậy mà Kế hoạch sử dụng đất mang tính khả thi cao.

Nội dung phương án khẳng định rõ tài nguyên đất đai và triển vọng khai thác sử dụng. Về mặt ý nghĩa sẽ tạo cơ sở đảm bảo cho các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện phát triển đúng hướng, ổn định.

Phân phối đất đai hợp lý để phát triển Kinh tế - Xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện. Phương án đã chú trọng phân bổ đất đai cho các mục đích Quốc phòng, An ninh, phát triển sản xuất công nghiệp, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng khu dân cư.

Việc phân bổ quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất được tính toán đáp ứng nhu cầu sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, theo định mức sử dụng đất... khai thác vị trí thuận lợi và những ưu thế của huyện.

II. Kiến nghị.

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai kiến nghị:

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ia H'Drai để Ủy ban nhân dân huyện có căn cứ thực hiện hiệu

quả công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Các Sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không có hiệu quả.

Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường bổ sung kinh phí, đồng thời, tạo điều kiện cho huyện Ia H'Drai tiếp cận những nguồn vốn ưu đãi để đảm bảo kinh phí thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được thực hiện đúng tiến độ, thời gian./.

1	Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai)	32.04	7.77	24.27		2.47	10.00		11.80	Xã Ia Đal	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai Về việc phân bổ tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện hưởng trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2022 (đợt 2)(Hồ chứa nước xã IV: NSDP 2,65 tỷ; Hồ chứa nước số 2: NSDP: 394 triệu)
2	Hồ chứa nước số 2 trung tâm hành chính huyện	15.32	10.22	5.10		0.30	1.30		3.50	Xã Ia Toi	
3	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1, xã Ia Toi (giai đoạn 2)	0.77	0.77	0.00						Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1 xã Ia Toi (Giai đoạn 2); Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 (1,06 tỷ, NSDP)
4	Xây dựng bãi đỗ xe trước chợ trung tâm huyện	1.30	1.30	0.00						Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giao chi tiết kế hoạch điều chỉnh, bổ sung đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ia H'Drai (lần 1) (7,3 tỷ, NSDP)
5	Nghĩa trang nhân dân huyện	10.00		10.00		6.30	3.70			Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW: 6,471 tỷ)
6	Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai	3.80		3.80					3.80	Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021; Thông báo số 17/TB-TTHĐND ngày 28 tháng 4 năm 2022 về kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với nguồn vốn đầu tư dự án Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ huyện Ia H'Drai (Nhà bia và các hạng mục phụ trợ)
7	Công trình Bãi rác tập trung (hạng mục: Đường và các công trình phụ trợ)	5.00		5.00		0.50	1.00		3.50	Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021; Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 huyện Ia H'Drai; (Bãi rác: 1,292 tỷ, NSDP)
8	Nhà văn hóa thôn Ia Muung	0.25		0.25					0.25	Xã Ia Dom	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giao chi tiết kế hoạch điều chỉnh, bổ sung đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ia H'Drai (lần 1) (100 triệu, NSDP)

9	Công trình đường ĐĐT31 (N57-N54)	1.34	1.34	0.00							Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giao chi tiết kế hoạch điều chỉnh, bổ sung đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ia H'Drai (lần 1) (ĐĐT 31: 200 triệu; ĐĐT 21: 200 triệu; ĐĐT 20: 200 triệu; ĐĐT 22: 129 triệu; ĐĐT 23: 127 triệu; ĐĐT 24: 128 triệu; ĐĐT 33: 200 triệu; ĐĐT 36: 200 triệu) NSĐP
10	Công trình đường ĐĐT21 (N40-N30)	0.57		0.57				0.57			Xã Ia Toi	
11	Công trình đường ĐĐT20 (N39-N30)	0.53		0.53				0.53			Xã Ia Toi	
12	Công trình đường ĐĐT22 (N32-N33)	0.20		0.20				0.20			Xã Ia Toi	
13	Công trình đường ĐĐT23 (N34-N35)	0.19		0.19				0.19			Xã Ia Toi	
14	Công trình đường ĐĐT24 (N37-N36)	0.20		0.20				0.20			Xã Ia Toi	
15	Công trình đường ĐĐT33 (N64-N65)	0.15	0.15	0.00							Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 huyện Ia H'Drai (ĐĐT 37: 123 triệu; ĐĐT 30: 611 triệu; ĐĐT 32: 357 triệu; ĐĐT 27: 2,108 tỷ) NSĐP
16	Công trình đường ĐĐT36 (N9-N66)	0.14	0.14	0.00							Xã Ia Toi	
17	Công trình đường ĐĐT37 (N7-N75)	0.55	0.55	0.00							Xã Ia Toi	
18	Công trình đường ĐĐT27 (N40-N53)	0.55		0.55				0.55			Xã Ia Toi	
19	Công trình đường ĐĐT32 (N55-N58)	0.32	0.32	0.00							Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giao chi tiết kế hoạch điều chỉnh, bổ sung đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ia H'Drai (lần 1) (352 triệu, NSĐP)
20	Công trình đường ĐĐT30 (N52-N54)	0.41	0.41	0.00							Xã Ia Toi	
21	Đường và hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7	0.10	0.10	0.00							Xã Ia Toi	
22	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	1.38		1.38				1.38			Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của UBND huyện Ia H'Drai về việc giao chi tiết kế hoạch điều chỉnh, bổ sung đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ia H'Drai (lần 1) (9,307 tỷ, NSĐP)
23	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV4, DV5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	0.61	0.61	0.00							Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Ia H'Drai triển khai đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2025
24	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV7, DV8, DV9, DV10 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	1.39	1.39	0.00							Xã Ia Toi	

25	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất D1, D2, D3, D5, D6, D7, D8, D9, D10 Điểm dân cư số 41 Trung tâm hành chính xã Ia Toi (thuộc dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C (đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14C- Sê San 3)	5.35	5.35	0.00							Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
26	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	4.63	4.63	0.00							Xã Ia Toi	
27	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC1, MDC3, MDC11 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai	2.42	2.42	0.00							Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Ia H'Drai triển khai đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2025
28	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC7, MDC15 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2.17	2.17	0.00							Xã Ia Toi	
29	Đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC16, MDC21, MDC24 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	2.60	2.60	0.00							Xã Ia Toi	
30	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	2.13	2.13	0.00							Xã Ia Dom	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (Đường vào nghĩa trang thôn 1: NSTW: 3,641 tỷ)
31	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	0.45	0.45	0.00							Xã Ia Dom	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW 427 triệu)
32	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	0.09	0.09	0.00							Xã Ia Dom	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW: 80 triệu)

33	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	0.39	0.39	0.00							Xã Ia Dom	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW 371 triệu)
34	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3 (Giai đoạn 1)	0.45	0.45	0.00							Xã Ia Dom	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 19/09/2022 của UBND xã Ia Dom về việc phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn Làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom (Giai đoạn 1) (1,68 tỷ, NSTW: 1,4 tỷ, NSĐP: 140 triệu, nguồn khác 140 triệu);Nghị Quyết 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum(NSTW: 10,628 tỷ)
35	Cầu suối đá huyện	2.67	0.30	2.37			1.00			1.37	Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW 20,354)
36	Đường giao thông thôn đi bến đò làng Dom thôn 9, xã Ia Toi	2.13	2.13	0.00							Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW: 3.641 tỷ)
37	Công trình:Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Toi	1.79	1.79	0.00							Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW: 1,706 tỷ)
38	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	1.79	1.79	0.00							Xã Ia Đal	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW: 1,706 tỷ)

39	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	0.94	0.94	0.00						Xã Ia Đal	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW: 1,612 tỷ)
40	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	2.13	2.13	0.00						Xã Ia Đal	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW: 3,486 tỷ)
41	Đường giao thông nông thôn thôn 6 (sau sân vận động thôn 6)	0.40	0.40	0.00						Xã Ia Đal	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 07/09/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị Quyết 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (NSTW: 10,628 tỷ)
42	Đường giao thông nông thôn Ia Đal (Điểm dân cư số 10 mở rộng)	0.26	0.26	0.00						Xã Ia Đal	
43	Đường giao thông nông thôn thôn Chư Hèm (Điểm dân cư mới công ty CP cao su Sa Thầy)	0.88	0.88	0.00						Xã Ia Đal	
44	Điểm trường mầm non điểm dân cư số 4	0.16		0.16					0.16	Xã Ia Đom	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 19/09/2022 về việc phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình: Điểm trường mầm non tại điểm dân cư số 4 (thôn 3, xã Ia Đom) (879,6 triệu, NSTW 733 triệu, NSĐP 73,3 triệu, nguồn khác 73,3 triệu)Nghị Quyết 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (NSTW: 10,628 tỷ)
45	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	5.50		5.50		0.13			0.44	Xã Ia Tơi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW: 10 tỷ)
46	Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	1.30		1.30		1.12			0.18	Xã Ia Tơi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW: 6,092 tỷ)

47	Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	1.36		1.36		1.04				0.32	Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (NSTW: 8,125 tỷ)
48	Điểm dân cư số 48 mở rộng	15.97		15.97		2.00	13.97				Xã Ia Dom	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc chuyển nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện năm 2020 sang 2021 (NSDP 2 tỷ)
49	Dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai	16.00	6.60	9.40		1.50				7.90	Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai thực hiện chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ (và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai; Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện hưởng trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2022 (đợt 2) (Kinh phí: 1,958 tỷ)
50	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	38.00	6.63	31.37		9.86				21.51	Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Về việc giao danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Kinh phí: 9 tỷ)
51	Đầu tư bãi đỗ xe, san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	4.59	0.39	4.20						4.20	Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về việc phân bổ tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện hưởng trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2022 (đợt 2) (Kinh phí: 77 triệu)
52	Đường giao thông thôn đi bến đò làng nú Ia Dor xã Ia Toi	0.20	0.20	0.00							Xã Ia Toi	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2022 và bổ sung, phân bổ phần đối ứng ngân sách huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 của huyện Ia H'Drai. Tổng nguồn vốn 2.703,31 triệu đồng
53	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom	13.00	7.50	5.50						5.50	Xã Ia Đal, Xã Ia Dom	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Về việc giao danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm

54	Chợ trung tâm xã Ia Đal	1.00		1.00		1.00					Xã Ia Đal	2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Kinh phí: 10,62 tỷ)
55	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3	0.05		0.05		0.05					Xã Ia Đal	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2022 và bổ sung, phân bổ phần đối ứng ngân sách huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 của huyện Ia H'Drai. Tổng nguồn vốn 709,5 triệu đồng
56	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7	0.05		0.05		0.05					Xã Ia Đal	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2022 và bổ sung, phân bổ phần đối ứng ngân sách huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 của huyện Ia H'Drai. Tổng nguồn vốn 709,5 triệu đồng
57	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Tơi	0.05		0.05		0.05					Xã Ia Tơi	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2022 và bổ sung, phân bổ phần đối ứng ngân sách huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 của huyện Ia H'Drai. Tổng nguồn vốn 1.853,5 triệu đồng

12	Nhà máy chế biến mù cao su ChưMomRay của Công ty TNHH MTV Cao su ChưMomRay	7.00		7.00			1.00		6.00	Xã Ia Toi	Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND tỉnh điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư dự án
2.2.2	Công trình đăng ký mới										
1	Trụ sở Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray	1.60	1.60	0.00						Xã Ia Toi	Công văn số 468/CMR-KHĐT ngày 25/8/2022 của Công ty TNHH MTV Cao su Chư Mom Ray về việc tham gia đăng ký bổ sung, điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất để cập nhật, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và đăng ký nhu cầu sử dụng đất để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ia H'Drai
2	Kho vật tư Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray	0.41	0.41	0.00						Xã Ia Toi	
3	Nhà trẻ Nông trường Cao su Morai 1	0.27	0.27	0.00						Xã Ia Toi	
4	Trung tâm Y tế Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray	0.32	0.32	0.00						Xã Ia Toi	
5	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 3	3.14	3.14	0.00						Xã Ia Đal	
6	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 4	0.60	0.60	0.00						Xã Ia Toi	
7	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 1	1.00	1.00	0.00						Xã Ia Toi	
8	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 2	1.50		1.50					1.50	Xã Ia Đal	
9	Trạm quản lý bảo vệ rừng xã Ia Toi	0.15		0.15			0.15			Xã Ia Toi	
10	Trạm quản lý bảo vệ rừng xã Ia Dom	0.15		0.15			0.15			Xã Ia Dom	Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai
11	Đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 47, thôn 2, xã Ia Dom	4.88	1.46	3.42					3.42	Xã Ia Dom	Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 Phê duyệt Đề án điều chỉnh "Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Mở rộng điểm dân cư số 47 tại thôn Ia Dom	0.70		0.70					0.70	Xã Ia Dom	
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác										
2.3.1	Kế hoạch trồng rừng										
2.3.1.1	Công trình chuyển tiếp										
1	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất tập trung trên đất trồng, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Ia H'Drai	25.12	25.12	0.00						huyện Ia H'Drai	Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 26/4/2022 về kế hoạch trồng rừng tập trung năm 2022 trên địa bàn huyện Ia H'Drai
2.3.1.2	Công trình đăng ký mới										
2	Dự án trồng rừng	300.00	300.00	0.00						Xã Ia Toi, Xã Ia Dom, Xã Ia Đal	Kế hoạch 451/KH-UBND ngày 18/2/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về kế hoạch trồng rừng giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
2.3.2	Các công trình đăng ký làm thủ tục giao đất										Không thực hiện thủ tục thu hồi đất

2.3.2.1	Công trình chuyển tiếp											
2.3.2.2	Công trình đăng ký mới											
1	Đường quy hoạch TTHC xã Ia Dom	2.00	2.00	0.00							Xã Ia Dom	<p>Kết luận số 08/KL-TTr ngày 11/5/2022 của Thanh tra tỉnh Kon Tum về việc thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tại các huyện Kon Plông, Kon Rẫy, Ia H'Drai và Thành phố Kon Tum;</p>
2	Đường giao thông số 2 thôn 1, xã Ia Toi; Hạng mục Nền, mặt đường và các công trình phụ trợ	0.99	0.99	0.00							Xã Ia Toi	
3	Đường giao thông thôn 1, xã Ia Dom (Đoạn từ trung tâm xã đi nhà máy cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Ia H'Drai (D1-1))	0.49	0.49	0.00							Xã Ia Dom	
4	Đường giao thông nội bộ khu dân cư thôn Ia Đal, xã Ia Đal (Đoạn trung tâm xã Ia Đal (Đ4))	0.26	0.26	0.00							Xã Ia Đal	
5	Đường giao thông số 3 thôn 1 xã Ia Toi	0.41	0.41	0.00							Xã Ia Toi	
6	Đường GTNT thôn 1, xã Ia Dom (Đoạn từ trung tâm xã Ia Dom (D1, D2, D3))	0.33	0.33	0.00							Xã Ia Dom	
7	Đường giao thông nội bộ khu dân cư thôn Ia Đal, xã Ia Đal (Đoạn trung tâm xã Ia Đal (Đ3))	0.24	0.24	0.00							Xã Ia Đal	
8	Đường từ bến đò Làng Nủ đi điểm dân cư số 64, Thôn Ia Đor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	1.00	1.00	0.00							Xã Ia Toi	
9	Đường giao thông thôn Chư Hem, xã Ia Đal	0.45	0.45	0.00							Xã Ia Đal	
10	Đường GTNT NT3-1, thôn 3, xã Ia Dom	0.33	0.33	0.00							Xã Ia Dom	
11	Đường giao thông nội bộ khu dân cư TT xã Ia Đal (Đ5), thôn Ia Đal, xã Ia Đal	0.26	0.26	0.00							Xã Ia Đal	
12	Đường GTNT NT3-1, thôn 3, xã Ia Dom (GĐ2)	0.50	0.50	0.00							Xã Ia Dom	
13	Đường giao thông từ cầu Drai đến đường tuần tra biên giới khu vực Hồ Le (đoạn Km6+475,67 đến Km7+315)	2.00	2.00	0.00							Xã Ia Đal	<p>Quyết định phê duyệt số 476/QĐ-UBND ngày 07/6/2019; Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh; Thông báo số 1458/TB-VP ngày 16/6/2019 của văn phòng UBND tỉnh</p>
14	Đường giao thông từ cầu Drai đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km3+426,82 -Km6 +457,67	5.82	5.82	0.00							Xã Ia Đal	<p>Thông báo số 81/TB-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để thực hiện dự án</p>
15	Trường TH-THCS Hùng Vương (bậc tiểu học)	1.08	1.08	0.00							Xã Ia Đal	<p>Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND huyện phê duyệt phương án thi công, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu trích đo địa</p>

16	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 3)	0.19	0.19	0.00							Xã Ia Đal
17	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 7)	0.14	0.14	0.00							Xã Ia Đal
18	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 8)	0.25	0.25	0.00							Xã Ia Đal
19	Trường TH-THCS Hùng Vương thôn Ia Đal (Điểm chính bậc THCS)	0.74	0.74	0.00							Xã Ia Đal
20	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường thôn 2, bậc tiểu học)	0.25	0.25	0.00							Xã Ia Đal
21	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Điểm trường chính Bậc Trung học thôn 1)	0.97	0.97	0.00							Xã Ia Toi
22	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Điểm trường lẻ Bậc tiểu học thôn Ia Đor) điểm dân cư 64	1.06	1.06	0.00							Xã Ia Toi
23	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 1 bậc tiểu học)	0.95	0.95	0.00							Xã Ia Toi
24	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 7 bậc tiểu học)	1.13	1.13	0.00							Xã Ia Toi
25	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 9 bậc tiểu học)	0.36	0.36	0.00							Xã Ia Toi
26	Trường Tiểu học -THCS Nguyễn Du thôn 1	1.23	1.23	0.00							Xã Ia Dom
27	Trường Tiểu học -THCS Nguyễn Du thôn 2	0.20	0.20	0.00							Xã Ia Dom
28	Trường Tiểu học -THCS Nguyễn Du Nông trường 1 Duy Tân thôn 3	0.25	0.25	0.00							Xã Ia Dom
29	Trường Mầm non Tuổi Ngọc (Điểm trường trung tâm thôn 1)	0.62	0.62	0.00							Xã Ia Dom
30	Trường Mầm non Tuổi Ngọc, (điểm trường thôn Ia Muung)	0.15	0.15	0.00							Xã Ia Dom
31	Trường Mầm non Tuổi Ngọc điểm trường nông trường 1 Duy Tân thôn 3	0.58	0.58	0.00							Xã Ia Dom
32	Trường mầm non Măng Non (Điểm trường Thôn Chư Hem)	0.20	0.20	0.00							Xã Ia Đal

chính thửa đất, lập mảnh trích đo địa chính phục vụ công tác thu hồi, chuyển mục đích, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, đất giáo dục trên địa bàn huyện;

33	Trường Mầm non Măng Non Thôn Ia Đal (Điểm trường chính)	0.73	0.73	0.00							Xã Ia Đal	
34	Trường Mầm non Măng Non Thôn Ia Đal (Điểm trường thôn 1,2)	0.45	0.45	0.00							Xã Ia Đal	
35	Trường mầm non Hoa Mai, điểm trường chính	0.85	0.85	0.00							Xã Ia Toi	
36	Trường mầm non Hoa Mai, thôn 8	0.43	0.43	0.00							Xã Ia Toi	
37	Trường mầm non Hoa Mai, thôn 1	0.37	0.37	0.00							Xã Ia Toi	
38	Trường mầm non Hoa Mai, thôn Ia Dơr	0.32	0.32	0.00							Xã Ia Toi	
39	Đường giao thông tiếp nối với Tỉnh lộ 674 đến đường Tuần tra biên giới xã Mo Rai, huyện Sa Thầy	10.00		10.00					10.00		Xã Ia Dom	Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum
2.3.3	<i>Khu vực giao đất tại các điểm dân cư cho Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai quản lý, sử dụng theo quy hoạch; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn</i>											<i>Thu hồi đất Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 65, Luật đất đai năm 2013</i>
1	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 8, thuộc tiểu khu 726,733. Tọa độ: điểm đầu X(495053); Y(1565210); điểm cuối X(494816); Y(1565159)	0.24	0.24	0.00							Xã Ia Đal	Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện Sa Thầy v/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết 1/2000 điểm dân cư công nhân số 3 của công ty cổ phần cao su Sa Thầy
2	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 7, thuộc tiểu khu 726,733. Tọa độ: điểm đầu X(494416); Y(1566243); điểm cuối X(492664); Y(1566368);	5.00	5.00	0.00							Xã Ia Đal	Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện Sa Thầy v/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết 1/2000 điểm dân cư công nhân số 3 của công ty cổ phần cao su Sa Thầy
3	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 7, thuộc tiểu khu 726,733. Tọa độ: điểm đầu X(492309); Y(1566838); điểm cuối X(491542); Y(1567234);	1.05	1.05	0.00							Xã Ia Đal	Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện Sa Thầy v/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết 1/2000 điểm dân cư công nhân số 3 của công ty cổ phần cao su Sa Thầy
4	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 7, thuộc tiểu khu 726,733. Tọa độ: điểm đầu X(491375); Y(1567043); điểm cuối X(491158); Y(1566710);	0.50	0.50	0.00							Xã Ia Đal	Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện Sa Thầy v/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết 1/2000 điểm dân cư công nhân số 3 của công ty cổ phần cao su Sa Thầy

5	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 7, thuộc tiểu khu 726,733. Tọa độ: điểm đầu X(490941); Y(1566422); điểm cuối X(490792); Y(1566164);	0.50	0.50	0.00							Xã Ia Đal	Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện Sa Thầy v/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết 1/2000 điểm dân cư công nhân số 3 của công ty cổ phần cao su Sa Thầy
6	Giao đất ở tại nông thôn. điểm đầu X(487707); Y(1564256); điểm cuối X(486907); Y(1564364);	1.00	1.00	0.00							Xã Ia Đal	Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện Sa Thầy v/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết 1/2000 điểm dân cư công nhân số 4 của công ty cổ phần cao su Sa Thầy
7	Giao đất ở tại nông thôn điểm dân cư số 9 (Thôn 4, xã Ia Đal), thuộc tiểu khu 726. Tọa độ: điểm đầu X(486324); Y(1563897); điểm cuối X(486060); Y(1563730);	0.95	0.95	0.00							Xã Ia Đal	Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND huyện Sa Thầy v/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết 1/2000 điểm dân cư công nhân số 4 của công ty cổ phần cao su Sa Thầy
8	Giao đất ở tại nông thôn điểm dân cư số 44, Thôn 1, xã Ia Toi, thuộc tiểu khu 747. Tọa độ: X: 496557; Y: 1559336	2.40	2.40	0.00							Xã Ia Toi	Nghị quyết 24/2015/NQ-HĐND huyện Ia H'Drai;
9	Giao đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 49, thôn Ia Muung, thôn 1, xã Ia Đom	1.73	1.73	0.00							Xã Ia Đom	Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 Phê duyệt Đề án điều chỉnh "Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum theo Quyết định số 162/QĐ -UBND ngày 22 tháng 2 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 5/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu xây dựng công trình: Đo đạc, lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính phục vụ công tác thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất tại các điểm dân cư cho Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai quản lý, sử dụng theo quy hoạch
10	Giao đất ở Điểm dân cư 3 (vị trí 2 Công ty ĐTPT Duy Tân)	6.50	6.50	0.00							Xã Ia Đom	
11	Điểm dân cư số 35	7.00	7.00	0.00							Xã Ia Toi	
12	Điểm dân cư số 36	6.40	6.40	0.00							Xã Ia Toi	
13	Điểm dân cư số 37	5.95	5.95	0.00							Xã Ia Toi	
14	Điểm dân cư số 39	5.10	5.10	0.00							Xã Ia Toi	
15	Điểm dân cư số 40	1.50	1.50	0.00							Xã Ia Toi	
16	Điểm dân cư số 63	6.50	6.50	0.00							Xã Ia Toi	
17	Điểm dân cư số 14	17.60	17.60	0.00							Xã Ia Đal	
18	Điểm dân cư số 15	12.50	12.50	0.00							Xã Ia Đal	
19	Điểm dân cư số 17	18.10	18.10	0.00							Xã Ia Đal	
20	Điểm dân cư số 20	12.70	12.70	0.00							Xã Ia Đal	
21	Điểm dân cư số 33	2.50	2.50	0.00							Xã Ia Đal	
22	Điểm dân cư số 16	26.59	26.59	0.00							Xã Ia Đal	
23	Điểm dân cư số 18	12.10	12.10	0.00							Xã Ia Đal	

24	Điểm dân cư số 19	21.28	21.28	0.00							Xã Ia Đal	
25	Điểm dân cư số 21	22.61	22.61	0.00							Xã Ia Đal	
26	Điểm dân cư số 22	12.10	12.10	0.00							Xã Ia Đal	
27	Điểm dân cư số 24	15.73	15.73	0.00							Xã Ia Đal	
28	Điểm dân cư số 32	19.93	19.93	0.00							Xã Ia Đal	
29	Điểm dân cư số 7	27.25	27.25	0.00							Xã Ia Đal	
30	Điểm dân cư số 9	20.93	20.93	0.00							Xã Ia Đal	
31	Điểm dân cư số 23	25.50	25.50	0.00							Xã Ia Đal	
32	Điểm dân cư số 26	24.40	24.40	0.00							Xã Ia Đal	
33	Điểm dân cư số 27	6.60	6.60	0.00							Xã Ia Đal	
34	Điểm dân cư số 30	11.93	11.93	0.00							Xã Ia Đal	
35	Điểm dân cư số 31	4.26	4.26	0.00							Xã Ia Đal	
2.3.4	Khu vực Đấu giá quyền sử dụng đất (đất do UBND xã quản lý)											
1	Đấu giá đất Thương mại dịch vụ lô đất C4 khu trung tâm hành chính huyện	0.57	0.57	0.00							Xã Ia Toi	Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Ia H'Drai triển khai đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2025
2	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	1.83	1.83	0.00							Xã Ia Toi	Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
3	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất các thửa đất tại lô đất ONT thuộc điểm dân cư công nhân số 2, tại thôn 2, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	0.52	0.52	0.00							Xã Ia Dom	Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
4	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất tại điểm dân cư thôn 1 - xã Ia Dom (từ Trung tâm xã Ia Dom đến Km 79+070 QL 14C đến cầu Suối Cát (Km 80+843)	2.00	2.00	0.00							Xã Ia Dom	

5	Giao đất tại điểm dân cư thôn 2 - xã Ia Dom (điểm dân cư số 47)	1.00	1.00								Xã Ia Dom
6	Đấu giá đất tại trung tâm hành chính xã Ia Đal	1.36	1.36	0.00							Xã Ia Đal
Tổng cộng		1.463.57	935.01	528.56	0.00	38.98	113.42	178.53	197.08	0.55	